NGƯỜI THỨ 41

TIỂU THUYẾT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
IN 12.070c. TẠI NHÀ MÁY IN TIẾN-BỘ
175, NGUYỄN-THÁI-HỌC — HÀ-NỘI
KHỔ 13×19 — XONG NGÀY 1-2-61
SỐ XUẤT BẢN 119 — SỐ IN: 2950
GỬI LƯU CHIỂU THÁNG 2-1961

Bìa của họa sĩ NGUYỄN KHANG

BÔ-RÍT LA-VRÊ-NÉP

NGƯỜI THỨ 41

TIỂU THUYẾT

VŨ LÊ dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
1961

BÔ-RÍT LA-VRÊ-NÉP

và

NGƯỜI THỨ 41

Bô-rít La-vrê-nép là nhà tiểu thuyết và kịch tác gia. Ông sinh năm 1891 ở Khéc-sơn (U-cờ-ren) và là cựu sinh viên luật học trường Đại học Mạc-tư-khoa. Trong thời kỳ nội chiến ông chiến đấu trong hàng ngũ Hồng quân. Bước đầu sáng tác văn học của ông bắt đầu từ năm 1912. Người ta biết ông ở tập truyện ngắn «Gió» *(1924) hai tập tiểu thuyết ngắn,* «Người thứ 41» *(1926) và* «Một truyện bình thường» *(1924) đều lấy đề tài trong cuộc đại cách mạng Nga.*

Vở bi kịch «Phá vây» *của ông diễn lần đầu năm 1928 được coi như một trong những tác phẩm đẹp nhất của nền kịch nói xô-viết. Ngoài ra ông còn viết một loạt truyện ngắn và kịch về đời sống ở biển; trong đó hai tác phẩm nổi nhất là* «Tiếng hát của Hắc-hải» *(1944) và* «Về những người sống ở biển».

Ông mới mất tháng giêng năm 1959.

NGƯỜI THỨ 41 *được coi là một trong những tiểu thuyết mẫu mực của nền văn học xô-viết sau Cách mạng tháng Mười. Tác phẩm gần như trở thành cổ điển tuy nó mới ra đời cách đây trên 30 năm. Bằng một bút pháp thật tinh tế, lối bố cục nhịp nhàng chặt chẽ, cách xây dựng điển hình thật đặc biệt, tác giả đưa ra cái ranh giới giữa tình yêu và lý tưởng, giữa hai thứ nhân sinh quan khác nhau như nước với lửa. Ma-ri-út-ka, nhân vật chính trong chuyện, một nữ chiến sĩ Hồng quân trẻ tuổi và xinh đẹp, xuất thân là một cô gái nghèo nhưng lại thích làm*

thơ và thích mơ mộng. Ma-ri-út-ka yêu rất say và thù cũng rất sâu. Giết kẻ địch mà vẫn yêu, và kẻ địch, ngoài cái óc nhơ bẩn của nó, còn có một cặp mắt đẹp, cử chỉ dáng điệu nho nhã và tài kể chuyện của nó làm cho Ma-ri-út-ka phải say mê. Cách dựng nhân vật phản phái một cách táo bạo và cũng rất thành công của La-vrê-nép làm cho câu chuyện sâu thêm, đậm hơn và cũng thực hơn.

NGƯỜI THỨ 41 *đã hai lần được xây dựng thành phim ảnh. Lần thứ nhất vào năm 1927 do nhà đạo diễn đã quá cố Pơ-rô-ta-dô-nốp lấy tên là:* « Con quỷ của thảo nguyên ». *Ba mươi năm sau, nhà đạo diễn trẻ tuổi và rất có tài là Tru-khơ-rai dựng lại chuyện này lần thứ hai. Phim* « Người thứ 41 » *đem đi dự Đại hội điện ảnh quốc tế ở Can-nơ năm 1957 đã làm chấn động dư luận thế giới. Riêng ở Việt-nam ta, bộ phim của Tru-khơ-rai xây dựng theo tiểu thuyết của Bô-rít La-vrê-nép cũng đã thu phục được hàng chục vạn trái tim.*

NGƯỜI DỊCH

CHƯƠNG I

Chương mà tác giả viết thêm chỉ là do sự cần thiết xui nên

Trong khoảnh khắc, khi trời mờ sáng, vòng vây sáng loáng ánh gươm của quân Cô-dắc bị những tràng liên thanh nóng bỏng của các chiến sĩ Hồng quân chọc thủng. Ép-xi-u-cốp, người chính ủy «bồ quân» [1] vọt qua vòng vây vừa phá vỡ được, trong một phút cuối cùng vùng dậy mê cuồng.

Chỉ có Ép-xi-u-cốp, hai mươi ba chiến sĩ khác và Ma-ri-út-ka là thoát khỏi vòng tử địa.

Một trăm mười chín người và hầu hết lạc đà đều chết xõng xoài trên bãi cát giá lạnh giữa những hình ngoằn ngoèo của cây xắc-xa-un [2] và đám cành đỏ của những cây tây hà liễu.

Khi tên Ét-xa-un [3] Bu-ri-ga được báo cáo rằng đám tàn quân địch đã trốn thoát, nó đưa bàn tay như chân

---

(1) Trong bản dịch tiếng Pháp là Commissaire framboise. Framboise là một thứ quả đỏ sậm, gần như quả dâu của ta nhưng to hơn và thường chỉ thấy có ở châu Âu. Chúng tôi tạm dịch là chính ủy «bồ quân» để mệnh danh cho Ép-xi-u-cốp theo như tinh thần của nguyên bản. Cũng biết là chưa thật sát đúng.

(2) Một loại cây không có lá ở miền Trung Á.

(3) Đoàn trưởng.

(Tất cả những lời chú thích trong tập này đều là của người dịch).

thú dữ xoắn xoắn chòm ria rậm rì, ngoác cái mồm loe như miệng lò ra ngáp rồi gầm lên một cách lười nhác:

— Cóc cần, không phải đuổi bắt cho nó mệt ngựa. Rồi tự chúng nó cũng sẽ chết gục cả ở trên cát thôi!

Trong khi đó, Ép-xi-u-cốp cùng hai mươi ba chiến sĩ và Ma-ri-út-ka đã lao vào trong bãi cát mênh mông vô tận như một đoàn thú của thảo nguyên.

Chắc độc giả nóng ruột muốn biết tại sao, tôi gọi Ép-xi-u-cốp là chính ủy «bồ quân» nhỉ?

Chúng ta sẽ nghe tới đoạn ấy đây:

Khi tên Kôn-sắc đã bịt nghẽn được tuyến Ô-răng-bua như đã đóng một cái nút kiên cố bằng súng ống tua tủa, bằng hàng đoàn người và khi nó đã bỏ mặc những đầu máy xe hỏa nằm hoen rỉ trên những đường tránh, thì ở Tuyếc-két-xtăng thuốc đen nhuộm da đã hết nhẵn.

Ấy, lúc đó là thời kỳ đổ vỡ, hỗn loạn, thời kỳ của đồ da.

Thể xác con người bị xua khỏi cái nồng ấm của gia đình, để xông pha trong mưa nắng, nóng lạnh, trong tiếng đạn rú chói tai, cần có một bộ quần áo chắc chắn.

Do đó những chiếc áo da có từ đấy.

Ở đâu, người ta cũng nhuộm áo da màu đen hơi ngả sang màu thép trông khắc khổ và rắn chắc như bản thân những người mặc áo đó.

Và thuốc đen nhuộm da ở Tuyếc-két-xtăng lại vừa hết.

Ban tham mưu quân cách mạng đành phải trưng thu những kho phẩm bột a-ni-lin Đức mà người U-dơ-bếch ở Phéc-ga-na vẫn dùng để nhuộm óng những tấm lụa mỏng như hơi sương. Chị em phụ nữ vùng Tuyếc-mê-ni

có những cặp môi khô dùng bột đó để tô những hình vẽ trang trí có nhiều nhánh trên những tấm thảm tê-kanh.

Chính bằng chất thuốc ấy, người ta đã nhuộm những tấm da sống và trang phục của Hồng quân vùng Tuyếc-két-xtăng bỗng rực rỡ đủ các màu sắc cầu vồng: bồ quân, vàng da cam, ngọc bích, xanh, lam, tím...

Dưới lốt một viên đại úy quân trang mặt rỗ nhằng rỗ nhịt, số phận đã ban cho Ép-xi-u-cốp một chiếc áo khoác và một chiếc quần màu bồ quân khi anh đưa phiếu của ban tham mưu đến lĩnh.

Ngay từ hồi thơ ấu, Ép-xi-u-cốp đã có một bộ mặt cùng màu như vậy và điểm những vết tàn nhang. Trên đầu anh, thay cho bộ tóc là một mớ lông tơ mềm mại của vịt non.

Người Ép-xi-u-cốp nhỏ bé, lưng đầy đặn vóc dáng hình bầu dục nên trong chiếc áo khoác và chiếc quần màu bồ quân, Ép-xi-u-cốp lại càng giống một quả trứng tô màu ngày lễ phục sinh.

Những dây da của bộ quân trang bắt chéo trên lưng thành hình chữ X và khi Ép-xi-u-cốp quay lại, người ta mong ngóng sẽ đọc thấy chữ B trên bụng anh.

Đức chúa đã tái sinh![1]

Nhưng chữ B lại không thấy có ở đó. Ép-xi-u-cốp chẳng tin ở lễ Phục sinh, chẳng tin ở Chúa. Lòng tin của anh là ở chính quyền xô-viết, ở Quốc tế cộng sản, ở cơ quan công an bảo vệ và ở khẩu súng bằng thép kéo, nặng chịch mà anh vẫn cầm ở trong những ngón tay sần sùi và khỏe mạnh.

---

(1) Đây là một kiểu chơi chữ không thể dịch được. X và B ở trong tiếng Nga là những chữ cái ở đầu chữ XPNCTOC BOCKPECEH nghĩa là « Đức chúa tái sinh ». Theo phong tục Nga, vào dịp lễ Phục sinh người ta thường viết hai chữ đó ở trên những quả trứng tô màu sặc sỡ.

Hai mươi ba chiến sĩ vừa cùng Ép-xi-u-cốp thoát khỏi vòng tử địa của lưỡi gươm quân Cô-dắc và đang chạy trốn về phía bắc đều là những chiến sĩ Hồng quân, như tất cả các chiến sĩ khác, những chiến sĩ rất bình thường.

Giữa bọn họ, Ma-ri-út-ka như sống ở nhà mình vậy.

Ma-ri-út-ka mồ côi cả cha lẫn mẹ từ sớm. Chị sinh ra trong một xóm chài lưới náu mình giữa vùng châu thổ lau sậy um tùm của dòng sông Vôn-ga, không xa Át-xtơ-ra-khan là mấy.

Ngay từ thuở lên bảy và rồi trong mười hai năm liền, Ma-ri-út-ka ngồi trên một chiếc ghế dài nhầy nhụa ruột cá, bận một chiếc quần vải thô để mổ những con cá mòi óng ánh bạc và dính nhớp.

Nhưng khi người ta báo tin ở thành phố và thôn quê có một đợt tuyển quân tình nguyện vào xích vệ — như hồi đó người ta gọi thế — Ma-ri-út-ka cắm phập con dao xuống ghế rồi ra đi tòng quân. Lúc đầu người ta xua chị về, nhưng thấy chị ngày nào cũng khăng khăng đi lại mãi, họ vừa cười giễu vừa nhận chị, bầy vai như tất cả mọi người khác.

Ma-ri-út-ka giống một cây sậy mảnh dẻ ven bờ sông; những bím tóc hung hung cuộn dưới vành chiếc mũ lông cừu. Ma-ri-út-ka có một cặp mắt điên dại, một cặp mắt như trái hạnh đào, một cặp mắt vàng cháy lửa như loài mèo.

Điều mà Ma-ri-út-ka thích hơn hết là mơ mộng. Chị không bao giờ cưỡng lại được cái sở thích mơ mộng đó. Ma-ri-út-ka còn thích làm thơ bằng một mẩu bút chì và cứ vớ được mẩu giấy nào là lại hý hoáy vạch lên đó những dòng chữ xiên xẹo.

Chuyện ấy cả chi đội đều biết. Mỗi lần chuyển quân tới một thành phố có xuất bản báo, Ma-ri-út-ka lại van vỉ xin giấy của nhân viên văn phòng.

Thè lưỡi liếm cặp môi nứt nẻ vì cảm động, Ma-ri-út-ka chép cẩn thận lại những bài thơ của mình, đặt tên cho từng bài và ký: « Thơ của Ma-ri-a Bát-xô-va ».

Rồi chị mang đến tòa báo. Người ta kinh ngạc ngắm nghía cô gái mảnh khảnh mặc áo da và đeo khẩu súng của kỵ binh ấy, rồi nhận tập thơ và hứa sẽ đọc.

Ma-ri-út-ka nhìn khắp mọi người bằng một cái nhìn trong sáng rồi đi ra.

Người thư ký tòa soạn thấy hay hay, liền quyết định đọc. Đôi vai anh ta bật lên và giật thon thót, miệng kéo rệch ra trong một trận cười nôn ruột, không nín được. Anh em nhân viên chạy tới và người thư ký tòa soạn vừa đọc những câu thơ vừa cười nấc lên.

Tất cả mọi người cười bò ra trên thành cửa sổ (thời ấy thiếu cả bàn ghế trong các tòa soạn báo).

Sáng hôm sau, Ma-ri-út-ka lại xuất hiện. Chị nhìn trừng trừng vào mặt người thư ký tòa soạn đang cố nhịn cười một cách khó khăn, vớ lấy những tờ bản thảo rồi nói, giọng thánh thót:

— Thế nào? Không thể đăng được à? Còn phải gọt rũa nữa phải không? Ấy là tôi đã xén đi nhiều chỗ, thế mà cũng chẳng ăn thua. Thôi được! Tôi sẽ mày mò làm nữa. Ra làm thơ cũng gay; đồ cá chết toi thật!

Ma-ri-út-ka đi ra, kéo sụp cái mũ lông Tuyếc-mê-ni xuống đến tận mắt.

Ma-ri-út-ka làm thơ không thành công, ngược lại chị là một tay súng đặc biệt chính xác. Đó là một thiện xạ kền nhất của chi đội và trong các trận chiến đấu, bao giờ Ma-ri-út-ka cũng ở bên cạnh người chính ủy « bồ quân ».

Ép-xi-u-cốp chĩa ngón tay:

— Ma-ri-út-ka! Trông kìa! Một tên sĩ quan!

Ma-ri-út-ka nheo mắt, thè lưỡi liếm môi, đàng hoàng giơ súng ngắm. Đạn đi không bao giờ chệch đích.

Chị hạ súng xuống và không quên đếm:

— Tên thứ ba mươi chín! Đồ cá chết toi! Tên thứ bốn mươi! Đồ cá chết toi!

« Đồ cá chết toi » là câu nói ưa thích của Ma-ri-út-ka.

Còn những chữ tục tĩu, thì chị rất ghét; nếu có ai văng tục trước mặt là Ma-ri-út-ka nhăn nhó, im bặt và đỏ rừ mặt lên.

Một đêm, anh chàng Gu-tra, người Ma-gi-a[1] mò tới chỗ Ma-ri-út-ka. Đã bao ngày Gu-tra cứ giương đôi mắt nhờn nhờn nhìn chị như muốn nuốt chửng. Câu chuyện ấy kết thúc một cách thảm hại. Anh chàng Ma-gi-a bị một trận thừa sống thiếu chết, rút lui với ba cái răng gãy và thái dương bị thương. Ma-ri-út-ka đã « tiếp đón » anh chàng bằng những cú báng súng.

Các chiến sĩ Hồng quân hay trêu Ma-ri-út-ka một cách thân mật, nhưng trong lúc chiến đấu, họ hết sức hộ vệ cho chị.

Trong lòng họ vọng lên tiếng nói của một niềm trìu mến bản năng ẩn sâu dưới lớp vỏ màu sặc sỡ của những chiếc áo khoác.

Đó là hai mươi ba người, Ép-xi-u-cốp và Ma-ri-út-ka đang đi về phương bắc trong khoảng cát trắng mênh mông, khốc liệt, lạnh giá.

Tháng hai, băng tuyết vi vút reo lên những tiếng láy trong bão gió, trải xuống những khoảng trũng giữa các cồn cát, những tấm thảm êm dịu và lấm tấm sương. Bầu trời gào thét trên đầu các chiến sĩ đang

---

(1) Ma-gi-a: một dân tộc ở vùng núi U-ran và Au-tai, dòng giống người U-giơ-riêng. Thế kỷ thứ 9 đi từ U-ran đến Hung-ga-ri. Người Hung-ga-ri hiện nay là dòng giống của dân tộc này.

dấn thân trong cơn lốc dấy lên bởi ngọn gió điên cuồng hoặc bởi làn đạn của quân địch.

Những bắp chân nặng trĩu tiến bước chật vật trong cát và tuyết. Những con lạc đà đói mềm rên ư.ử và khạc phì phì.

Gió khắc nên những hạt muối tinh thể và xung quanh hàng mấy trăm dặm, bầu trời hình như bị cắt rời ra khỏi mặt đất bằng một lưỡi dao đờ tề, dọc theo một đường đều đặn và trắng nhờ màu sữa.

Nói cho đúng, chương này không tính vào trong câu chuyện của tôi. Đáng lẽ phải bắt đầu ngay vào điểm chính sắp nói đến ở những chương sau thì tốt hơn.

Nhưng cũng cần để độc giả biết số tàn quân của chi đội đặc biệt miền Gu-ri-ép này từ đâu đến, cách giếng Ka-ra-ku-đúc ba mươi bảy dặm về phía đông bắc, tại sao lại có một phụ nữ trong một chi đội Hồng quân, tại sao Ép-xi-u-cốp lại là chính ủy «bồ quân» và còn biết bao nhiêu chuyện nữa.

Chỉ vì sự cần thiết đó mà tôi phải nhượng bộ viết thêm chương này.

CHƯƠNG II

Chương này nói về một vệt tối sậm hiện lên ở chân trời trông gần thì hóa ra trung úy cận vệ Gô-vô-ru-kha Ô-tờ-rốc

Từ giếng nước Jan-ghen-đy đến giếng Sôi-ku-đúc đường xa bảy mươi dặm và từ giếng đó đến nguồn nước Úc-căng còn sáu mươi hai dặm nữa.

Đêm đến, Ép-xi-u-cốp hạ báng súng trên một gốc cây bật rễ, nói bằng một giọng rét cóng:

— Dừng lại! Nghỉ đã!

Người ta đốt những cây xắc-xa-un lên. Lửa chảy, dày đặc bồ hóng. Bốn bề cát vây quanh thành một vòng tròn ẩm ướt.

Người ta lấy những bì gạo và mỡ ra. Trong nồi gang, gạo lật bốc lên một mùi hăng hăng như mùi thịt cừu.

Mọi người run cầm cập, yên lặng ngồi sát vào nhau xung quanh đống lửa, cố tránh những ngón tay lạnh giá của cơn bão tuyết đang luồn vào từng kẽ hở nhỏ nhất. Người ta đưa cả chân vào sưởi ngay chính giữa ngọn lửa, những chiếc ủng da nhăn nhúm kêu răng rắc và nổ lốp bốp.

Trong cơn gió tuyết xám bệch, những con lạc đà bị cột chặt lúc lắc những chiếc nhạc nghe buồn buồn.

Ép-xi-u-cốp vấn một điếu thuốc lá trong những ngón tay run rẩy.

Vừa thở một hơi thuốc, anh vừa gắng gượng nói:

— Này các đồng chí cần bàn xem, nên đi đâu bây giờ?

Một giọng buồn thỉu đáp lại từ phía bên kia đống lửa trại:

— Đồng chí muốn anh em đi đâu bây giờ? Dù thế nào đi nữa cũng là đi đứt cả thôi. Quay về Gu-ri-ép không thành vấn đề rồi. Ở đấy cũng có bọn Cô-dắc chó đẻ. Mà ngoài Gu-ri-ép ra thì chẳng còn chỗ nào nữa.

— Còn Khi-va thì sao?

— Đồng chí nói rỡn đấy chứ? Đại loại là vượt sáu trăm dặm qua Ka-ra-kum giữa mùa đông. Hơn nữa lại chẳng có gì mà chén cả.

Mọi người cười nhưng cái giọng buồn bã ấy kết luận một cách tuyệt vọng:

— Chỉ còn có nước chết thôi! Thật là đi đứt!

Dưới lớp áo giáp màu bồ quân, trái tim Ép-xi-u-cốp thắt lại. Nhưng không hề lộ vẻ lo lắng, anh giận dữ ngắt lời người kia:

— Đồ gà rù! Xin đủ, cái thói hoang mang lo sợ ấy đi! Nằm chịu chết thì còn hay hớm cái nỗi gì!

— Ta có thể quay sang chiến lũy A-lếch-dăng-đơ-rốp-xkơ. Quân ta ở đó.

— Cũng không thành vấn đề — Ép-xi-u-cốp ngắt lời — Đã có tin là Đê-ni-kin vừa tổ chức một cuộc đổ bộ lên đó. Hiện nay bọn Bạch vệ ở cả A-lếch-dăng-đơ-rốp-xkơ và Cơ-rát-nô-vốt-xkơ.

Có tiếng người rên rỉ trong giấc ngủ.

Ép-xi-u-cốp đấm vào đầu gối vừa ấm hơi lửa. Bằng một giọng sắc như dao chém, anh cắt đứt:

— Đủ rồi! Chỉ còn một đường là ra bể A-ran thôi các đồng chí ạ. Ra đấy rồi ta sẽ quay về Ka-da-lin-xkơ. Ban tham mưu mặt trận đóng ở đấy. Tới đó là về nhà rồi.

Và anh im bặt, lòng cũng rất nghi ngại chưa chắc kế hoạch liệu có thực hiện nổi.

Người nằm bên cạnh, nhỏm đầu dậy và hỏi:

— Lấy gì mà ăn, từ đây đến biển A-ran?

Ép-xi-u-cốp lại cắt:

— Phải bóp mồm, bóp miệng thôi. Chúng ta không phải ông hoàng phải không? Ngài muốn sực cá với mật ong chăng? Đồ tồi! Ta hãy còn gạo và một ít bột mì đây!

— Đủ ăn ba chặng đường đấy!

— Rồi sao nữa? Từ đây đến vịnh Tréc-ni-xép không quá mười ngày đường. Ta có sáu con lạc đà. Khi nào hết lương thực, ta sẽ chén đến lạc đà. Dù thế nào chăng nữa, cũng chẳng cần đến chúng. Ta thịt một con, rồi tống thịt lên lưng một con khác và lên đường. Bằng cách ấy thế nào cuối cùng rồi chúng ta cũng sẽ đến nơi.

Không ai thốt ra một lời nào. Ma-ri-út-ka nằm gần đống lửa, tì lên khuỷu tay, đôi mắt mèo đăm đăm nhìn ngọn lửa không chớp. Ép-xi-u-cốp thấy bối rối.

Anh đứng dậy phủi tuyết trên áo:

— Xong rồi! Đến rạng đông chúng ta sẽ đi. Đây là một mệnh lệnh. Cũng có thể là chúng ta không đến nơi được tất cả — Tiếng nói của người chính ủy run lên như một con chim hốt hoảng — Nhưng chúng ta phải đi, vì các đồng chí ạ... cách mạng, cách mạng... Vì những người lao động trên toàn thế giới này...

Ép-xi-u-cốp lần lượt nhìn thẳng vào mắt từng người trong số hai mươi ba chiến sĩ. Trong những cặp mắt ấy, anh không thấy ánh lên tia lửa, mà anh vẫn thường quen thấy từ một năm nay. Những cái nhìn mờ xỉn lảng đi, sự tuyệt vọng và hoài nghi hiện rõ dưới những hàng mi khép xuống.

— Khi đã ăn hết lạc đà, rồi cũng đến nước phải ăn thịt lẫn nhau thôi.

Im lặng.

Bỗng Ép-xi-u-cốp hét lên the thé :

— Không bàn cãi nữa. Nhiệm vụ cách mạng đồng chí có biết là thế nào không? Im hết. Mệnh lệnh đã ban bố rồi. Ai lôi thôi, treo cổ lên!

Một cơn ho cắt ngang lời Ép-xi-u-cốp.

Với một sự vui vẻ bất ngờ, anh chàng đang ngoáy cháo đặc bằng cái thông nòng súng bỗng thốt lên trong đêm tối :

— Các tướng, đã hết cái bộ mặt đưa ma ấy chưa? Lại chén đã. Tớ làm vất vả không phải để uổng công vô ích đâu. Đồ lính tráng vất đi!

Mọi người lấy thìa múc những tảng cháo đặc béo và phồng lên. Họ nuốt bỏng cả miệng để cháo khỏi nguội mất. Nhưng ở trên môi vẫn còn một lớp mỡ đông lại mùi hôi như mùi nến.

Ngọn lửa tàn dần, tóe ra trong bóng đêm những tia sáng màu da cam. Mọi người nằm sích chặt vào nhau hơn nữa vừa thiếp đi, vừa ngáy, vừa nguyền rủa trong giấc ngủ.

Tảng sáng, Ép-xi-u-cốp bị đánh thức dậy bằng những cái đập rối rít trên vai. Anh chật vật mở hàng mi đã đóng băng lại, nhổm dậy, và như cái máy, bàn tay tê cóng quơ quơ tìm ngay cây súng.

— Cứ bình tĩnh!

Ma-ri-út-ka đang cúi xuống phía Ép-xi-u-cốp. Con mắt mèo của chị ánh lên trong cái đám vàng đục của cơn bão cát.

— Có chuyện gì xảy ra thế?

— Đứng dậy! Đồng chí chính ủy. Nhưng đừng có làm rầm lên. Trong lúc các đồng chí ngủ, tôi cưỡi lạc đà, đi dạo chơi, có một đoàn người Kiếc-ghi đi từ Jan-ghen-đy đến.

Ép-xi-u-cốp quay lại hỏi, hơi thở hồn hển:

— Một đoàn à? Có không phịa ra đấy chứ?

— Xin lấy danh dự mà thề! Đồ cá chết toi! Ít nhất cũng có bốn chục con lạc đà.

Trong nháy mắt, Ép-xi-u-cốp đứng dậy cho ngón tay vào miệng huýt còi. Hai mươi ba chiến sĩ vươn những tấm thân tê cóng, mệt nhọc mới trở dậy được. Nhưng tin gặp đoàn lạc đà làm họ tỉnh ngủ ngay tức khắc.

Hai mươi hai người dứng dậy. Nhưng, người cuối cùng thì không. Anh ta đang cuộn mình ở trong chăn, sốt run lên. Sau khi luồn tay vào cổ anh ta, Ma-ri-út-ka bắt bệnh một cách chắc chắn:

— Cảm nhiệt đấy mà.

— Chó chết! Biết làm sao bây giờ? Đắp chăn lại cho anh ta rồi sẽ về tìm sau. Thế cái đoàn người của cô ở phía nào?

Ma-ri-út-ka chỉ về phía tây:

— Cũng không xa, chỉ sáu dặm là cùng. Trên lưng lạc đà có những bọc to sụ.

— Tuyệt, miễn là ta không để cho họ chuồn mất là được. Trông thấy là phải lập tức vây kín xung quanh. Cả bên phải lẫn bên trái. Nào đi!

Họ đi thành hàng một, giữa những cồn cát, gập đôi người lại, mình nóng lên vì chạy.

Từ trên mỏm một cồn cát, họ đã thấy hiện lên xa xa, trên một cao nguyên phẳng lì như một cái bàn, những chấm tối sẫm của đoàn lạc đà.

Trên bướu những con vật, những bọc hàng đu đưa nặng nề.

— Đội ơn chúa!

Gơ-vô-đơ-đép, một anh chàng ngoan đạo, mặt rỗ, lầm rầm một cách nhiệt thành.

Không nén được, Ép-xi-u-cốp lên tiếng chỉnh:

— Chúa! Phải nhắc lại cho cậu bao nhiêu lần nữa là không có chúa; tất cả mọi vật đều có thể giải thích một cách duy vật được...

Nhưng lúc này không phải là lúc cãi cọ nhau. Khi hiệu lệnh ban ra, mọi người nhảy chồm lên chạy lại, lợi dụng từng nếp nhấp nhô của bãi cát, từng bụi rậm nhỏ. Họ quặp chặt lấy báng súng. Họ biết rằng — không thể và không được để đoàn người này đi thoát; nó là sự sống, là niềm hy vọng, là cứu tinh của họ.

Đoàn người vẫn đi thủng thẳng, bình thản. Người ta đã nhìn thấy những chiếc chăn hoa sặc sỡ trên lưng những con lạc đà và những người dân Kiếc-ghi mặc áo choàng lót bông, đội mũ lông chó sói.

Chiếc áo da «bồ quân» của Ép-xi-u-cốp rực lên trên cồn cát. Anh vung súng và hét:

— Hạ khí giới xuống. Đừng có kháng cự. Không có chúng tôi giết hết cả!

Những người Kiếc-ghi sợ hãi đã nằm dí xuống đất, chổng mông lên trời rồi mà Ép-xi-u-cốp vẫn còn hét.

Các chiến sĩ Hồng quân thở rốc, xô đến từ các ngả. Ép-xi-u-cốp hét:

— Tóm lấy những con lạc đà, các cậu!

Giữa lúc ấy, một loạt súng dữ dội, từ phía đoàn người ngắt lời Ép-xi-u-cốp. Tiếng đạn sủa phẫn nộ như chó cắn, và bên cạnh Ép-xi-u-cốp, một người gục xuống, đầu chúi vào lớp cát, tay giang ra. Ép-xi-u-cốp gieo mình xuống một khoảng trũng của cồn cát và càng hét dữ.

— Nằm xấp xuống! Bắn!

Một cuộc bắn giết loạn xạ bắt đầu.

Từ sau những con lạc đà nằm phủ phục, bọn người kia vẫn bắn. Họ là ai vậy? Những người Kiếc-ghi chăng? Không có lẽ! Đường đạn họ bắn ra chính xác lắm.

Đầu đạn lẩn vào trong cát, ngay cạnh các chiến sĩ Hồng quân đang nằm soài.

Tiếng vang trên thảo nguyên dội lại những tiếng súng nhưng dần dần, hỏa lực phía đoàn lạc đà, yếu đi.

Các chiến sĩ Hồng quân nhảy vọt lại gần.

Còn cách ba chục thước, Ép-xi-u-cốp nhìn thấy, sau một con lạc đà, một cái đầu đội mũ lông, một chiếc khăn len trắng, rồi một bên vai có đính băng óng ánh vàng.

Ép-xi-u-cốp quát bảo Ma-ri-út-ka đang bò theo sau anh:

— Ma-ri-út-ka trông kìa, một tên sĩ quan!

— Tôi thấy rồi.

Người nữ chiến sĩ đàng hoàng ngắm và nổ súng.

Ngón tay Ma-ri-út-ka tê cóng vì lạnh hay vì cảm động mà run lên. Vấn đề là khi Ma-ri-út-ka vừa mới lầm rầm đếm: «Tên thứ bốn mươi mốt này! Đồ cá chết toi» thì tên quấn khăn len trắng đã nhỏm dậy và giơ súng lên. Một chiếc khăn tay trắng bay phơ phất trên đầu lưỡi lê.

Ma-ri-út-ka quẳng súng xuống cát, phát khóc lên vì tức tối, tay gạt những giọt nước mắt chảy trên khuôn mặt lem luốc.

Ép-xi-u-cốp chạy lại phía tên sĩ quan. Một chiến sĩ khác vượt lên, lưỡi lê giơ cao, định phóng một nhát kết thúc. Chính ủy Ép-xi-u-cốp rít lên:

— Đừng có động đến nó! Phải bắt sống!

Tên mặc áo màu xanh lơ bị tóm cổ quẳng xuống đất. Năm tên khác cùng đi, đã bị bắn chết dưới làn đạn nóng bỏng, nằm thẳng cẳng sau những con lạc đà.

Các chiến sĩ vừa cười đùa, vừa nguyền rủa, móc tay vào cái vòng sắt sỏ qua mũi đoàn lạc đà kéo đi.

Những người Kiếc-ghi chạy theo Ép-xi-u-cốp níu lấy vạt áo anh.

Người chính ủy vung vẩy tay, vẳng ra, trở nên giận dữ, nhăn nhó tỏ vẻ thương hại và dọa dẫm dí súng vào những khuôn mặt dám nắng có hai gò má dô cao:

— Đằng sau quay! Không bàn cãi gì cả.

Một ông già râu bạc, mặc một chiếc áo choàng dài, níu lấy dây lưng Ép-xi-u-cốp.

Ông lão đợt mồm ra nói liến thoắng:

— Ủi a... ông làm xấu... Kiếc-ghi cần lạc đà để sinh sống... không có lạc đà, Kiếc-ghi chết... Đừng làm thế... Ông muốn tiền?... Chúng tôi cho tiền... tiền của Nga hoàng, của Kê-răng-xki... Cho bao nhiêu tiền thì trả lạc đà...

— Đồ con lừa, đã bảo là không có lạc đà, chúng tôi cũng chết. Tôi không phải là kẻ cướp, tôi làm như vậy vì nhu cầu của cách mạng. Tạm thời thôi... Các người có thể đi bộ về nhà được, còn như chúng tôi không có lạc đà thì sẽ chết mất!

— Úi a... xấu lắm... trả lạc đà, cầm lấy tiền...

Ông già Kiếc-ghi vẫn không chịu buông. Ép-xi-u-cốp vùng ra:

— Nói thế là đủ! Cầm lấy tờ biên lai này. Thế thôi!

Ép-xi-u-cốp đưa cho ông già một tờ biên lai viết bằng bút chì mực trên một mẩu giấy báo.

Ông già vất tờ giấy xuống cát.

Những người khác nín lặng, những giọt nước mắt âm thầm rung rinh trong những cặp mắt sếch.

Ép-xi-u-cốp quay đi và sực nhớ đến tên sĩ quan tù binh. Anh thấy nó đang đứng giữa hai chiến sĩ Hồng

quân. Tên sĩ quan có vẻ bình tĩnh, chân đi đôi ủng da Thụy-điền hơi giạng ra. Nó hút thuốc, và ngắm Ép-xi-u-cốp, vẻ ngạo nghễ.

— Mày là ai? Ép-xi-u-cốp hỏi.

— Trung úy cận vệ Gô-vô-ru-kha Ô-tờ-rốc. Còn anh? Tên sĩ quan nhả một hơi thuốc và cũng hỏi lại.

Và nó ngẩng đầu lên.

Khi nó nhìn thẳng vào mặt các chiến sĩ Hồng quân, Ép-xi-u-cốp và mọi người khác thấy nó có cặp mắt xanh thẳm, tưởng như một cục bột xanh lam đem hòa vào trong đám bọt xà-phòng trắng tinh vậy.

CHƯƠNG III

Chương này nói về những chuyện bất lợi trong những chuyến đi không có lạc đà ở giữa miền Trung Á và những cảm giác của những người bạn đồng chí của Cơ-rít-xtộp Cô-lông

Trong cái bảng « thiện xạ » của Ma-ri-út-ca, tên trung úy cận vệ Gô-vô-ru-kha Ô-tờ-rốc phải là tên mang số bốn mươi mốt.

Vậy mà trời lạnh hay sự xúc động đã làm cho Ma-ri-út-ca bắn trượt.

Và tên trung úy trở thành một con số thừa trong danh sách những người sống.

Theo lệnh Ép-xi-u-cốp, các chiến sĩ khám xét tên tù binh và tìm thấy trên sống lưng chiếc áo da hoẵng của nó, một cái túi bí mật.

Tên trung úy lồng lên như một con ngựa sữa trên đồng cỏ khi bàn tay của một chiến sĩ Hồng quân nắn thấy cái túi, nhưng người ta đã giữ chặt lấy nên nó chỉ bộc lộ sự bối rối ra bằng nét mặt xám ngoẹt và cặp môi run run.

Ép-xi-u-cốp giật lấy cái bọc lụa, thận trọng mở ra trên xắc-cốt, đọc ngấu nghiến, rồi anh gật gù vẻ tư lự.

Trên những giấy tờ đó viết rằng trung úy cận vệ Gô-vô-ru-kha Ô-tờ-rốc, Va-dim Ni-cô-lai-vít-xơ, được chính

phủ của thủy sư đô đốc Kôn-xắc, phụ chính tối cao của nước Nga ủy nhiệm thay mặt bên cạnh chính phủ vùng biển Cát-xpiên của tướng Đê-ni-kin.

Còn về bức thông điệp mật, theo như trong thư, trung úy Ô-tờ-rốc có nhiệm vụ chuyển đạt lại bằng miệng cho tướng Đờ-rát-xen-kô.

Ép-xi-u-cốp gấp những tài liệu đó lại, áp chặt vào túi áo trong của mình rồi hỏi tên trung úy :

— Bức thông điệp mật đó thuộc về loại nào đấy thưa ngài sĩ quan. Ngài cần nói với chúng tôi một cách hết sức thành thật vì hiện nay ngài là tù binh của các chiến sĩ Hồng quân mà tôi là người chỉ huy của họ : chính ủy Ác-xen-ti Ép-xi-u-cốp.

Cặp mắt xanh nhìn chằm chằm vào Ép-xi-u-cốp.

Tên trung úy cười gằn và làm ra bộ cúi chào.

— Ngài Ép-xi-u-cốp? — nó nói — Rất hân hạnh làm quen với ngài. Tôi lấy làm ân hận không được chính phủ của chúng tôi ủy thác cho việc thương thuyết ngoại giao với một nhân vật cao cấp như vậy?

Những vết tàn nhang trên mặt Ép-xi-u-cốp trở nên tái nhợt hơn cả làn da mặt. Trước toàn thể chi đội, tên trung úy đã nhạo báng Ép-xi-u-cốp.

Anh rút súng lục ra khỏi bao :

— Này, đồ nhậy trắng! Đừng cò vờ vĩnh. Thú thật đi kẻo không có thì ăn đạn đấy.

Tên trung úy nhún vai :

— Nếu anh giết tôi, thì anh cũng chẳng được ăn cái gì cả đâu.

Ép-xi-u-cốp hạ súng xuống và rủa :

— Tao sẽ làm cho mày dẫy cuồng lên cho mà xem! Đồ thối thây! Rồi tha hồ mà la nữa...

Một lần nữa, tên trung úy lại nhếch mép cười.

Ép-xi-u-cốp nhổ nước bọt và bỏ đi.

— Đồng chí chính ủy, ta cho nó về thiên đàng hay là sao? Một chiến sĩ hỏi.

Ép-xi-u-cốp lấy đầu móng tay gãi gãi chiếc mũi trụi thủi lụi :

— Không! Nó là một con vật đắt giá đấy. Phải giải nó về Ka-da-lin-xkơ. Về ban tham mưu họ sẽ có cách làm cho nó nói chuyện.

— Chỉ còn thiếu cái nước đèo nó đi theo nữa. Đến ngay bản thân chúng ta cũng chưa chắc đã đi đến nơi được nữa là.

— Hay là định tuyển cái bọn đeo lon ấy vào lính đấy !

Ép-xi-u-cốp ưỡn ngực lên, và cắt đứt câu chuyện bằng một giọng quyết định :

— Không phải việc của các cậu. Tôi mới là người chịu trách nhiệm hiểu không?

Anh quay lại bảo Ma-ri-út-ka :

— Này, Ma-ri-út-ka, tôi giao cho cô ông lớn này. Để mắt vào đấy ! Nếu cô để nó trốn mất thì cô sẽ có chuyện với tôi đấy.

Ma-ri-út-ka không nói một lời, sốc lại cây súng đeo trên vai rồi lại bên tên tù binh :

— Đi ! Tao sẽ là người canh mày. Nhưng đừng có tưởng rằng mày sẽ chuồn được vì tao là phụ nữ đâu. Cách ba trăm thước, tao cũng sẽ bắn trúng mày. Tao sẽ không để sểnh mày một lần thứ hai. Đồ cá chết toi!

Tên trung úy liếc mắt nhìn Ma-ri-út-ka, cố gắng nhịn cười và chào một cách trang trọng :

— Rất sung sướng được làm tù nhân của một nữ chiến sĩ duyên dáng.

— Cái gì? Cái gì hử? — Ma-ri-út-ka vừa cự lại vừa nhìn trừng trừng tên trung úy một cách khinh bỉ — Đồ lưu manh! Đồ bát nháo! Nói đủ rồi! Bước đi! Bước!

Buổi tối hôm ấy, mọi người dừng lại bên một cái hồ nhỏ.

Từ dưới làn băng, nước mặn nồng nặc mùi mốc và mùi i-ốt.

Mọi người ngủ say tít, cuộn mình trong những tấm thảm và những chiếc chăn của đoàn lạc đà Kiếc-ghi. Thật là sướng như lên thiên đàng, quả có đúng như vậy.

Ban đêm, Ma-ri-út-ka trói chặt tên trung úy bằng một sợi dây dắt lạc đà rồi quấn vào quanh dây lưng của mình, tay giữ lấy đầu dây.

Tất cả mọi người đều cười rộ. Xê-mi-an-ni, một anh chàng có cặp mắt như mắt cá, nói lớn:

— Các cậu trông kìa! Ma-ri-út-ka nghĩ ra cách gắn bó mình với thằng cha mới khéo làm sao chứ!

Ma-ri-út-ka áp đảo lại bọn họ bằng một cái nhìn rất đanh đá:

— Cười đủ rồi đấy! Đồ cá chết toi ạ! Nếu nó trốn thì sao?

— Ngốc quá đi mất! Nó trốn đi đâu, vào trong sa mạc à?...

— Có thế mới yên tâm hơn. Ngủ đi, hiệp sĩ hủi ạ!

Ma-ri-út-ka đẩy tên trung úy vào trong chăn rồi nằm nép vào bên cạnh.

Ngủ dưới tấm chăn len, dưới lần dạ thơm tho đượm mùi thảo nguyên nóng bỏng của tháng bảy, mùi ngải cứu và bãi cát mênh mông thật là thú vị. Cơ thể giãn ra, ru mình trong một trạng thái đê mê, êm dịu.

Ép-xi-u-cốp ngáy phì phò trong tấm thảm. Ma-ri-út-ka nở một nụ cười mơ mộng trong giấc nồng, tên trung úy cận vệ Gô-vô-ru-kha Ô-tờ-rốc mím chặt cặp môi thanh tú, nằm ngửa bụng lên trời.

Riêng có người gác là không ngủ. Anh ta ngồi lên một vạt chăn, súng đặt trên đầu gối; khẩu súng lúc này còn quý giá hơn vợ con hay người tình.

Người chiến sĩ đưa mắt nhìn bóng đêm trắng xóa tuyết, mà trong đó rung lên nhè nhẹ tiếng nhạc lạc đà.

Hiện nay có bốn mươi bốn con lạc đà. Con đường thật là gian khổ nhưng thẳng tắp.

Trong lòng các chiến sĩ không còn có điều gì nghi ngại nữa.

Gió thổi từng cơn rít lên, tìm cách luồn những mũi kim của mưa tuyết, vào trong tay áo người gác. Người lạnh cóng, anh ta kéo vạt chăn và đắp lên lưng. Phút chốc, băng giá thôi không đâm vào thịt anh ta nữa, cơ thể tê cóng ấm lại.

Tuyết trắng, bóng tối, sa mạc.

Đất nước Á châu, ôi, đất nước mơ hồ vô định!

— Lạc đà? Những con lạc đà đâu rồi? Con nhà... Mày ngủ! Mày ngủ à, đồ con lợn! Mày làm gì đấy, đồ khốn! Đem mà xử bắn mày đi!

Người gác sửng sốt vì những mũi ủng đá vào mình, đưa mắt bối rối nhìn khắp xung quanh.

Tuyết trắng và sương mù.

Màn sương sớm trên bãi cát.

Không thấy có lạc đà.

Ở chỗ lạc đà đứng ăn hồi nãy, mọi người thấy có vết chân người và vật. Những dấu giày Kiếc-ghi nhọn hoắt.

Có lẽ ba người dân Kiếc-ghi phải đi suốt đêm để dắt những con lạc đà đi, trong khi người gác ngủ quên.

Các chiến sĩ Hồng quân lặng thinh. Không còn lạc đà nữa! Đuổi theo chăng? Mệt sức vô ích và còn có thể bị lạc trong sa mạc.

— Phải đem bắn mày đi, con nhà đĩ bợm! Ép-xi-u-cốp bảo người gác.

Người gác không đáp lại, nước mắt rưng rưng thành những hạt băng nhỏ, dưới hàng mi.

Tên trung úy chui ra khỏi chăn. Nó nhìn quang cảnh đó và huýt sáo nho nhỏ rồi nói với một tiếng cười gằn :

— Kỷ luật của những người tự giác là như thế đấy.

É-xi-u-cốp gầm lên bằng một giọng khản đặc :

— Liệu hồn cái mõm mày đấy !

Rồi anh tiếp, giọng thì thào khác thường và buồn thỉu :

— Làm cái gì đấy nữa? Lên đường thôi anh em.

Chỉ có mười một người theo hàng một, áo quần tơi tả, lảo đảo vượt quả các cồn cát.

Mười người khác đã rải rác gửi xác trên con đường bất hạnh.

Đến sáng những cặp mắt xỉn đi vì bất lực, mở ra lần cuối cùng, những bắp chân sưng phồng tê cóng lại, một tiếng khò khè nghẹt lại thoát ra từ cuống họng.

Ép-xi-u-cốp lại bên người hấp hối, da mặt của người chính ủy không còn đồng màu với chiếc áo « bồ quân » nữa. Nó khô héo, xám xì, những vết tàn nhang giống như những đồng xu đồng cũ kỹ.

Ép-xi-u-cốp lắc đầu. Nòng súng giá lạnh bắn vào thái dương hóp làm thành một vết thương nhỏ tròn tròn, và đen, hầu như không chảy máu.

Mọi người vội vàng phủ cát lên xác người chết, rồi lại đi.

Áo quần tơi tả, ủng cũng rách, họ lấy những mẩu chăn quấn vào chân và bọc bàn tay tê cóng trong những miếng giẻ.

Mười người vừa đi vừa vấp loạng choạng dưới gió rét.

Chỉ có một người đi ngay ngắn đầy vẻ bình tĩnh.

Đó là tên trung úy cận vệ Gô-vô-ru-kha Ô-tờ-rốc.

Đã nhiều lần, các chiến sĩ nói với Ép-xi-u-cốp:

— Đồng chí chính ủy, chúng ta còn lôi nó đi bao lâu nữa? Nó chỉ có mỗi một việc là chén không một khẩu phần. Và rồi còn áo quần, còn giày của nó, lẽ ra chúng ta có thể đem chia cho nhau.

Nhưng Ép-xi-u-cốp không cho phép động đến người tên trung úy:

— Tôi sẽ đưa nó về đến ban tham mưu hoặc là tôi cùng chết với nó. Nó có thể khai ra nhiều điều. Không có thể cho tiêu một đứa như thế. Mà rồi đằng nào nó cũng sẽ được xử trí thích đáng...

Hai tay tên trung úy bị trói giật cánh khỉ bằng chiếc dây thừng, một đầu dây luồn vào thắt lưng của Ma-ri-út-ka. Ma-ri-út-ka hầu như không bước nổi. Trên bộ mặt đầy tuyết của chị, chỉ có đôi mắt mèo trở nên to rộng là còn sự sống.

Còn tên trung úy thì nó hoàn toàn khỏe mạnh. Nó chỉ hơi tái đi một chút thôi.

Một lần Ép-xi-u-cốp đi lại gần đó, nhìn vào cặp mắt xanh như biển khơi của nó và cằn nhằn:

— Cứt thật! Đồ mày thế mà sống dai! Trông mày gầy nhom thế mà mày lại khỏe bằng hai người.

Tên trung úy chỉ đáp lại bằng nụ cười cố hữu của nó.

Những cồn cát mềm sụt và chuyển động vây khắp xung quanh họ. Trên các mỏm cát bay reo réo theo chiều gió như tiếng rắn phun và tưởng như không bao giờ hết.

Có người ngã xuống, nghiến răng ken két và khề phều phào:

— Tôi không thể đi xa hơn được. Để tôi nằm đây thôi. Tôi không thể cố được nữa.

Nhưng Ép-xi-u-cốp đã lại gần, đá thốc vào người anh ta bắt phải đứng dậy :

— Đi lên! Anh không có quyền bỏ hàng ngũ cách mạng!

Người kia đứng dậy và bước đi. Một người bò lên mỏm một cồn cát. Anh ta quay lại, sây ra bộ mặt rúm ró và hét lớn :

— Bề A-ran anh em ơi!

Và anh ngã rục xuống. Với một sự cố gắng tột độ, Ép-xi-u-cốp trèo lên cồn cát. Một màu xanh da trời chói lòa quất vào cặp mắt đỏ lửa của anh. Anh nhắm mắt lại, những ngón tay co quắp cào cào mặt cát.

Đồng chí chính ủy chưa bao giờ nghe nói đến Cờ-rít-xtốp Cô-lông và cũng chưa hề biết chuyện những người Tây-ban-nha vượt biển, khi nghe người thủy thủ gác kêu lên : « Đất liền » cũng lấy tay cào cào chiếc cầu tàu như thế này.

CHƯƠNG IV

Ở chương này diễn ra cuộc trò chuyện đầu tiên giữa Ma-ri út-ka với tên trung úy và đồng chí chính ủy chuẩn bị một đoàn vượt biển

Ngày hôm sau, họ tới một làng Kiếc-ghi ở ven biển. Thoạt đầu một mùi khói thoảng tới từ sau một cồn cát làm cho dạ dầy họ quặn lên.

Những vòm mái tròn tròn màu hung của những nhà lều thổ dân hiện ra ở đằng xa. Những con chó, chân sù lông, nhảy sổ ra sủa dữ tợn.

Những người dân Kiếc-ghi túm tụm trước cửa nhà lều, nhìn đám người thân tàn ma dại kia với một nỗi xót thương ngỡ ngàng.

Một ông già, mũi tẹt, vuốt chòm râu thưa rồi đưa tay lên xoa ngực. Ông gật đầu ra hiệu, nói :

— Sa-lam a-lê-cum (1) đi đâu thế này ?

Ép-xi-u-cốp yếu ớt nắm lấy bàn tay khô cứng đang chìa ra phía mình :

— Chúng tôi là Hồng quân. Chúng tôi đi Ka-da-lin-xkơ. Hãy tiếp chúng tôi và cho chúng tôi ăn uống. Chính quyền Xô-viết sẽ cám ơn các người...

Ông già Kiếc-ghi lắc lư chòm râu và nói ậm ừ :

— Úi a... Hồng quân à... Bôn-sích (2) Mày từ Trung ương đến à ?

---

(1) Câu chào một sớ đông. Tiếng địa phương Kiếc-ghi trong bản tiếng Pháp

(2) Bôn-sê-vích. Ông già nói chệch đi.

— Không! Chúng tôi không phải từ Trung ương đến. Chúng tôi đi từ Gu-ri-ép.

— Gu-ri-ép? Úi a... Úi a... Vượt Ka-ra-kum à?

Trong kẽ mắt ông già Kiếc-ghi ánh lên một sự sợ sệt kính trọng đối với con người da dẻ đỏ hồng đã nhợt nhạt đi kia, cái con người đã đi bộ vượt qua vùng Ka-ra-kum khủng khiếp từ Gu-ri-ép đến tận biển A-ran giữa tiết giá rét tháng hai.

Ông già vỗ tay và nói bằng một giọng ồm ồm với những người phụ nữ vừa chạy tới.

Ông cầm lấy cánh tay Ép-xi-u-cốp:

— Lại đây, ki-bít-ca [1]. Ngủ đi tí ti. Ngủ xong, ăn cơm chiên thịt.

Họ mệt lử ngã rục xuống, trong hơi ấm của những gian nhà lều ám khói, và ngủ như chết cho đến tận chiều. Những người Kiếc-ghi đã nấu xong cơm chiên. Họ mời khách ăn và vỗ vỗ một cách thân mật lên những chiếc xương bả vai gồ lên của những người khách:

— Ăn đi! Ăn đi! Người mày hơi khô đi rồi đấy! Ăn đi, mày sẽ khỏe mạnh.

Mọi người ăn ngấu nghiến. Những chiếc bụng căng ra đầy cơm chiên béo ngậy. Có vài anh thấy đau bụng, chạy ra thảo nguyên « tháo » cho nhẹ bớt rồi lại trở về ngốn dữ hơn. Ăn uống đã phình bụng họ lại ngủ.

Chỉ riêng có Ma-ri-út-ka và tên trung úy là không ngủ.

Ma-ri-út-ca ngồi thức trước đống than nóng rực của bếp lửa, quên cả những nỗi khổ cực vừa trải qua.

Chị rút mẩu bút chì ở trong xắc-cốt ra và vạch những dòng chữ trên một tờ phụ trương có tranh vẽ của báo Nô-vôi-ê Vờ-rê-mi-a [2] mà chị vừa xin được

(1) Ki-bít-ca: xe ngựa nhỏ vùng Bu-kha-ri. Ý ông già muốn ví Ép-xi-u-cốp như chiếc xe ngựa có thể vượt mọi đoạn đường khó khăn.

(2) Báo Thời mới.

của một người phụ nữ Kiếc-ghi. Kín trang giấy là chân dung tên bá tước Kô-kốp-xép, bộ trưởng bộ tài chính của Nga hoàng. Những dòng thơ xiên xẹo của Ma-ri-út-ka rạch ngang cái trán cao của Kô-nốp-xép và bộ râu vàng hoe của nó.

Nhưng chiếc dây thừng thì lúc nào cũng quấn vào dây lưng Ma-ri-út-ka và đầu dây kia thì trói chặt tay tên trung úy ra sau lưng nó.

Ma-ri-út-ka chỉ cởi trói trong một giờ gọi là để cho nó ăn cơm, nhưng nó vừa ăn xong, chị lại trói như cũ.

Các chiến sĩ Hồng quân cười ha hả:

— Thật y như một con chó giữ nhà ấy.

— Mê rồi phải không Ma-ri-út-ka? Trói kỹ người yêu của cô nhé. Không khéo lại có nàng tiên nào cưỡi thảm bay đến phỗng mất đấy.

Ma-ri-út-ka không buồn trả lời.

Tên trung úy ngồi dựa vai vào cột lều. Cặp mắt xanh của nó theo dõi mẩu bút chì của Ma-ri-út-ka nguệch lên nguệch xuống một cách khó nhọc.

Nó cúi xuống và khẽ hỏi:

— Chị viết cái gì thế?

Ma-ri-út-ka đưa mắt nhìn nghiêng về phía nó, qua mớ tóc hung hung rũ xuống:

— Việc gì đến mày đấy?

— Có lẽ chị viết một lá thư à? Chị đọc tôi viết hộ cho!

Ma-ri-út-ka cười dịu dàng:

— Mày láu lắm. Vậy mày muốn tao cởi trói cho mày để mày trốn phải không? Không ai ngốc như thế đâu! Tao không cần sự giúp đỡ của mày. Không phải tao viết thư mà tao làm thơ đấy!

Cặp mi tên trung úy mở sòe ra như chiếc quạt. Lưng nó rời khỏi cột lều:

— Thơ à? Chị làm thơ à?

Ma-ri-út-ka ngừng ngọ nguậy mẩu bút chì, mặt đỏ bừng lên:

— Mày làm sao thế? Hử? Mày tưởng mày tài giỏi lắm, còn tao là một con nhà quê đần độn à? Tao cũng không ngốc hơn mày đâu; thôi đừng có làm rối lên nữa.

Tên trung úy khuỳnh khuỷu tay ra vì hai bàn tay đã bị trói:

— Tôi chỉ ngạc nhiên thôi. Lúc này có phải là lúc làm thơ đâu?

Ma-ri-út-ka bỏ bút chì xuống. Bằng một cử chỉ đột ngột, chị rũ mái tóc màu đồng hung hung trùm lên ngập đôi vai:

— Khốn nạn cái thân mày! Vậy ra, theo như mày thì phải nằm trên nhung đệm mới làm thơ được phải không? Nhưng nếu tao đây, tâm hồn tao đang sôi sục thì sao? Nếu tao muốn kể lại chuyện chúng tao đã dấn thân vượt qua sa mạc như thế nào, không có gì ăn, cũng không có gì khoác lên mình thì sao? Tao muốn kể tất cả để cho nó nhói vào tận con tim mọi người. Tao để tất cả tâm huyết của tao vào những câu thơ này. Nhưng có điều là thế này: người ta chẳng muốn in những bài thơ ấy. Họ bảo rằng tao phải học thêm. Tao lấy đâu ra thì giờ mà học? Tao làm thơ thật bụng, chứ chẳng mánh khóe quỷ quái gì cả.

Tên trung úy từ từ nở một nụ cười:

— Chị không muốn đọc cho tôi nghe à? Kể cũng lạ đấy. Tôi hiểu thơ ca mà!

Ma-ri-út-ka trả lời giọng buồn buồn:

— Mày không hiểu được. Dòng máu của mày là dòng máu ông lớn, một dòng máu đầy nhớt dãi. Đối với

mày, thơ phải có những lời tân tỉnh và những con mái. Còn trong thơ của tao là người nghèo và cách mạng.

— Tại sao tôi không hiểu được? Có thể là nội dung đối với tôi còn xa lạ, nhưng những con người bao giờ cũng có thể hiểu nhau được chứ!

Ma-ri-út-ka lưỡng lự, lộn ngược hình tên Kô-kốp-xép và đưa mắt nhìn xuống:

— Được, không cần, mày nghe nhé. Nhưng mà đừng có cười đấy. Bố mày chắc cũng phải trả tiền thuê thầy cho mày ăn học đến năm hai mươi tuổi, còn tao, tao chỉ học lấy thôi.

— Xin lấy danh dự mà hứa là tôi sẽ không cười.

— Vậy thì nghe đây. Trong này tao kể tất cả. Nào là lúc đánh nhau với bọn cô-dắc ra sao, lúc đi qua sa mạc ra sao.

Ma-ri-út-ka đằng hắng và đọc, ngắt mạnh từng chữ bằng một giọng trầm trầm, đôi con mắt dữ dội long lên:

Bọn Cô-dắc tấn công chúng tôi
Lũ đao phủ tay sai của Nga hoàng
Chúng tôi đã nghênh tiếp chúng bằng những phát súng.
Chúng tôi, những chiến sĩ Hồng quân, dũng cảm
Nhưng quân Cô-dắc đông quá.
Và chúng tôi phải rút lui.
Ép-xi-u-cốp liền ra lệnh
Xông thẳng vào quân khốn kiếp
Chúng tôi đã quét chúng bằng liên thanh
Dù thế nào đi nữa cũng vẫn hỏng hết rồi.
Tất cả đại đội đều gục xuống.
Chỉ còn hai mươi người ra đi trong thảo nguyên.

Ma-ri-út-ka ngừng đọc, giọng bặt hẳn đi:

— Còn đoạn sau, tao nghĩ mãi mà chưa ra. Đồ cả chết toi thế chứ! Tao không biết làm thế nào để đưa chuyện những con lạc đà vào đó được?

Cặp mắt xanh của tên trung úy khuất trong bóng tối, duy chỉ có ngọn lửa hắt lên lòng trắng con ngươi nó những ánh màu hoa cà. Nó nói sau một phút im lặng:

— Ừ... cừ lắm! Nhiều ý, nhiều tình cảm, chị hiểu không? Rõ là những lời thơ thốt ra tự đáy lòng — đến đây, tên trung úy như giật thót người — nó nói tiếp một cách vội vã:

— Nhưng chị đừng giận nhé, những câu thơ làm dở quá, không được gọt rũa và không có kỹ thuật.

Ma-ri-út-ka để rơi tờ giấy trên đầu gối. Chị thầm lặng nhìn lên trần nhà lều rồi nhún vai:

— Thì đúng như tôi nói là bài thơ có tình cảm. Tất cả lòng tôi đã súc động mãnh liệt trong khi viết nó ra. Còn chuyện thơ không có kỹ thuật thì ở đâu người ta cũng bảo tôi thế. « Thơ của chị không có thể thức gì cả, không thể đăng được ». Làm thế nào để thạo nghề được. Bí quyết ở chỗ nào? Anh là người trí thức chắc anh biết chứ?

Vì cảm động, Ma-ri-út-ka đã gọi tên trung úy bằng anh.

Và nó trần trừ mãi mới trả lời:

— Khó nói quá, chị phải thấy thơ ca là một nghệ thuật. Mà nghệ thuật nào thì cũng cần phải học. Nó có nguyên tắc và quy luật của nó. Chẳng hạn như một người kỹ sư không biết tất cả những nguyên tắc về việc xây cầu thì hoặc là anh ta không thể xây cầu được, hoặc là xây một cái cầu gớm ghiếc không dùng được việc gì.

— Xây cầu là chuyện khác. Xây cầu thì phải biết tính toán và trăm thứ cần thiết khác nữa. Còn những câu thơ thì nó đã nằm ở trong xương thịt tôi, từ khi còn nằm ở trong nôi cơ. Đó là tài năng, có thể nói vậy.

— Đã đành rồi, nhưng học vấn là để phát triển tài năng. Kỹ sư là kỹ sư mà không phải là bác sĩ chính bởi vì từ khi mới đẻ, anh ta đã có thiên hướng về sự xây dựng. Nhưng nếu anh ta không học, anh ta không thể làm việc gì tốt được.

— Chả có lẽ thế. Dù sao thì đó cũng là những chuyện hay hay đấy nhỉ. Đồ cá chết toi! Được, khi nào hết chiến tranh, nhất định tôi sẽ đi học để người ta dạy tôi làm thơ. Hẳn có những trường học như thế chứ?

Vẻ mặt trầm ngâm, tên trung úy đáp:

— Chắc là có.

— Tôi đã nhất định rồi. Vì cái chuyện thơ ấy không bao giờ để cho tôi yên. Tôi mong muốn đến điên người lên được người ta in thơ vào một quyển sách và chỗ nào người ta cũng đề tên : « Thơ của Ma-ri-a Bát-xô-va ».

Ngọn lửa đã tàn lụi. Trong bóng tối, gió gầm gừ đập rũ vải lều. Đột nhiên Ma-ri-út-ka bảo :

— Này, nói đi ! Giờ thì tay anh hẳn đau lắm phải không?

— Không đau lắm, nó chỉ tê dại đi thôi !

— Nghe đây nhé : anh hãy thề với tôi là anh không trốn, tôi sẽ cởi trói cho anh.

— Tôi trốn đi đâu được? Trốn ra sa mạc à? Để cho chó rừng nó ăn thịt tôi ư? Như thế thì ngốc quá đấy !

— Được, được mà, anh cứ thề đi. Anh hãy lặp lại lời tôi nói. Có giai cấp vô sản cực khổ đang đấu tranh giành lợi quyền, tôi thề với chiến sĩ Hồng quân Ma-ri-a Bát-xô-va là tôi không muốn trốn.

Tên trung úy nhắc lại lời thề.

Cái nút dây thừng thiết chặt được cởi ra giải phóng cho đôi cổ tay tê cứng.

Tên trung úy ngọ nguậy ngón tay một cách khoan khoái. Ma-ri-út-ka vừa nói vừa ngáp:

— Giờ thì ngủ đi! Nếu anh trốn, sau khi đã thề thế thì anh sẽ là tên đốn mạt nhất trên đời. Này cầm lấy chiếc chăn này mà đắp.

— Cám ơn, tôi đã có chiếc áo lông này rồi. Chúc ngủ ngon nhé Ma-ri-a...

— Phi-la-tốp-na.

Ma-ri-út-ka vừa trang trọng nói tiếp tên mình, vừa chui vào trong chăn.

Ép-xi-u-cốp muốn mau mau báo cáo tình hình về ban tham mưu mặt trận.

Ở lại trong làng, cần phải nghỉ ngơi và ăn uống cho lại sức. Được một tuần lễ Ép-xi-u-cốp quyết định lên đường, men theo bờ biển đến A-ran-xkơ và từ đó về Ka-da-lin-xkơ.

Những người dân Kiếc-ghi qua đường cho biết một trận bão đã xô một chiếc thuyền đánh cá mắc cạn vào bờ cát, cách đó chừng bốn dậm. Theo lời họ, thuyền hãy còn tốt, nằm chỏng chơ ở bờ biển; những người đánh cá chắc là chết cả.

Ép-xi-u-cốp mò đi xem xét.

Chiếc thuyền bằng gỗ sồi tốt màu vàng, gần như hãy còn mới, bão gió không làm hư hại chỗ nào, chỉ xé rách cánh buồm và rứt tung mất bánh lái.

Sau khi lấy ý kiến các chiến sĩ, Ép-xi-u-cốp quyết định cử ngay không trì hoãn một bộ phận đi theo đường biển về phía cửa sông Sya Đa-ri-a.

Chiếc thuyền có thể chở một cách dễ dàng bốn người và một ít đồ đạc. Chính ủy Ép-xi-u-cốp nói:

— Như vậy tốt hơn. Thứ nhất là ta giải được tên tù binh về tới đích nhanh chóng. Chẳng bao giờ người ta

có thể biết trước được những chuyện sẽ xảy ra dọc đường. Và tên tù binh nhất thiết là phải đưa về ban tham mưu. Rồi ban tham mưu khi biết được tin tức của chúng ta sẽ đưa quân trang, quân dụng và mọi thứ cần dùng khác bằng ngựa đến tăng viện cho chúng ta. Nếu thuận gió, thuyền có thể vượt U-ran không quá ba ngày và từ đấy về đến Ka-da-lin-xkơ chỉ còn một ngày đường.

Ép-xi-u-cốp thảo một tờ báo cáo bỏ vào trong cái gói bọc lụa đựng các giấy tờ của tên trung úy mà trong suốt thời gian qua, lúc nào Ép-xi-u-cốp cũng giữ ở túi áo trong.

Chị em phụ nữ Kiếc-ghi vá lại hộ cánh buồm, đích thân chính ủy Ép-xi-u-cốp kỳ cạch đóng một cái bánh lái bằng những mảnh ván nát và một cái ghế lấy ở trên thuyền.

Một buổi sáng băng giá tháng hai, khi mặt trời như một chiếc chậu thau đồng lấp lánh nhô lên nền trời xanh biếc, thì những con lạc đà kéo chiếc thuyền ra tận bờ những tảng băng.

Người ta đẩy thuyền xuống nước và những người được cử đi lên ngồi cả vào thuyền. Ép-xi-u-cốp bảo Ma-ri-út-ka:

— Tôi giao cho cô chỉ huy. Cô phải chịu trách nhiệm tất cả mọi vấn đề với tôi. Và hãy để mắt đến tên sĩ quan kia. Nếu để nó xổng mất, tôi sẽ giết cô. Dù nó sống hay nó chết cũng phải đưa về tận ban tham mưu. Nếu bị bọn trắng bắt gặp thì đừng để cho nó sống sót. Chúc, thuận buồm suôi gió.

CHƯƠNG V

Chương này hoàn toàn mượn
của Đa ni en Đờ-phô[1] chỉ có khác là Rô-bin-xơn
không phải chờ đợi Thứ Sáu[2] lâu đến thế

Biển A-ran không phải là biển vui mắt lắm.

Bờ phẳng lì phủ đầy ngải cứu, cát và những quả núi trọc.

Những hòn đảo của biển A-ran giống như những cái bánh tráng ở trên lò, vừa dẹt vừa bóng; người ta chỉ thấy nó hơi nhô lên mặt nước một chút và trên đó không hề thấy dấu vết của sự sống.

Không một bóng chim, không một nhánh cỏ, mùa hè mới thấy có bóng người.

Hòn đảo chính của biển A-ran là đảo Bác-xa Ken-mơ.

Người ta không hiểu chữ đó nghĩa là gì. Người Kiếc-ghi thì quả quyết Bác-xa Ken-mơ là đảo « chết người ».

Mùa hè, những thuyền đánh cá rời thị trấn A-ran-xkơ đến đảo này. Đánh cá ở đây thì tuyệt, nước sôi sục lên vì cá qua lại nhiều vô kể.

Nhưng khi gió mùa thu cuộn bọt trắng lên ngọn những con sóng, dân chài rời vào trú trong vụng A-ran-xkơ yên tĩnh và chỉ ra khơi khi mùa xuân trở lại.

---

(1) Tiểu thuyết gia người Anh sinh ở Luân-đôn (1660-1731) tác giả cuốn : « Cuộc đời phiêu lưu của Rô-bin-xơn Cờ-ruy-dô-ê ».

(2) Nhân vật trong Rô-bin-xơn Cờ-ruy-đô-ê, người giúp việc trung thành của Rô-bin-xơn.

Nếu không kịp lấy cá về trước mùa bão, cá đã ướp muối sẽ nằm thành chồng, thành lớp trong những chiếc lều trống tứ bề, gió thốc vào, suốt mùa đông.

Trong những mùa rét gay gắt, khi mặt biển đóng băng từ vịnh Tréc-ni-xép đến tận đảo Bác-xa thì cá ướp là một « món bở » cho bọn thú vật. Chúng chạy trên mặt băng tuyết ra tận hòn đảo, nhồi nhét, ních đầy bụng cá mặn đến quay ra chết tại chỗ.

Và mùa xuân, khi dòng nước lũ vàng vàng của sông Sya Đa-ri-a xô vỡ mặt băng, dân chài chẳng còn tìm thấy một chú cá nào, mà họ đã ướp trong mùa đông.

Gió hoành hành trên mặt biển từ tháng mười một đến tháng hai, nhưng những tháng còn lại thì thỉnh thoảng lắm mới có vài lần xấu trời. Suốt mùa hè, mặt biển phẳng lì như một tấm gương quý.

A-ran, một vùng biển tẻ ngắt.

Niềm vui độc nhất mà biển A-ran gợi lên là màu xanh kỳ lạ của nó.

Một màu xanh thăm thẳm, mịn màng, lấp lánh ánh ngọc lưu ly.

Điều đó đã được ghi trong tất cả các sách địa lý học.

Để Ma-ri-út-ka và tên trung úy ra đi, chính ủy Ép-xi-u-cốp chắc mẩm trời sẽ yên tĩnh ít nhất là trong một tuần lễ. Và những người thổ dân Kiếc-ghi tin vào những điềm báo trước truyền lại tự đời nảo, đời nào không rõ cũng nói như vậy.

Vì thế thuyền ra khơi, thẳng hướng đi về Ka-da-lin-xkơ. Trên thuyền có Ma-ri-út-ka, tên trung úy, và hai gã trai trẻ là Xê-mi-an-ny và Vi-a-khia, hai người thủy thủ gốc gác lâu đời.

Một cơn gió nhẹ gợn sóng trên mặt biển và vui vui thổi phồng căng cánh buồm vừa khâu lại. Bánh lái uể oải kêu kẽo kẹt trong bản lề, bọt sóng dày đặc nô giỡn hai bên mạn thuyền.

Ma-ri-út-ka đã cởi trói hắn cho tên tù binh — ai mà trốn được giữa biển khơi? — và Gô-vô-ru-kha Ô-tờ-rốc cũng làm việc thay phiên nhau với Xê-i-an-ny và Vi-a-khia.

Tự nó xử sự như một tên tù binh vậy.

Lúc được các chiến sĩ Hồng quân đổi phiên, nó nằm vào trong chăn, miệng mỉm cười với những ý nghĩ vẩn vơ và thầm kín, những ý nghĩ của một tên trung úy mà ngoài nó ra không ai biết được.

Điều đó không khỏi làm cho Ma-ri-út-ka lo lắng: « Không biết nó có cái gì mà lúc nào cũng cười cợt? Giá nó đang ở trên đường về nhà thì ít ra cũng còn hiểu được. Nhưng nó lại sắp đi đứt rồi; ở ban tham mưu, người ta sẽ hỏi tội nó và sau đó là xử bắn. Hừ, khốn nạn cái thân mày ».

Tên trung úy vẫn mỉm cười, không hề biết những điều suy nghĩ của Ma-ri-út-ka.

Ma-ri-út-ka không nén được nữa, chị bắt chuyện:

— Anh học chèo thuyền ở đâu đấy?

Gô-vô-ru-kha Ô-tờ-rốc suy nghĩ một lát rồi trả lời:

— Ở Pê-téc-xbua, tôi có một chiếc du thuyền, một chiếc lớn. Tôi chèo thuyền...

— Du thuyền gì?

— Một chiếc thuyền buồm!

— Này ít ra tôi cũng thừa biết như anh một chiếc du thuyền là cái gì rồi. Tôi đã trông thấy chán thuyền như thế ở trong câu lạc bộ của bọn trọc phú ở Át-xtơ-ra-khan. Những cái trắng tinh ấy và đẹp như những con thiên nga. Tôi có hỏi như thế đâu. Chứ chiếc du thuyền của anh, nó có tên không?

— Nen-ly!

— Cái tên ấy nghĩa là thế nào?

— Em gái tôi tên là Nen-ly. Tôi đặt tên thế là vì quý mến em tôi.

— Đó không phải là một tên thánh.

— Tên thánh Hê-len đấy. Gọi theo tiếng Anh là Nen-ly.

Ma-ri-út-ka thôi không nói nữa; chị ngắm nghía mặt trời trắng xóa đang đổ nắng vàng như sáp lấp lánh và lạnh ngắt. Mặt trời từ từ lặn xuống mặt biển xanh mịn như nhung.

Ma-ri-út-ka lại nói:

— Nước xanh quá! Ở biển Cát-xpiên nước xanh màu lá cây kia, còn ở đây thì xanh lơ, tôi chưa bao giờ thấy thế đấy.

Tên trung úy khẽ đáp như nói với mình:

— Trong bảng thống kê của Pho-ren, màu nước này xếp gần vào loại thứ ba.

Ma-ri-út-ka băn khoăn hỏi:

— Cái gì?

— Tôi nói một mình, về chuyện nước biển. Tôi đọc một cuốn sách giáo khoa về thủy học, thì ở biển này, nước xanh một màu rất đậm. Nhà bác học Pho-ren đã làm một bảng thống kê mức độ đậm nhạt của các màu nước biển. Nước xanh hơn cả là nước ở Thái-bình-dương. Nước ở đây theo bảng thống kê ấy thì gần vào loại thứ ba.

Ma-ri-út-ka lim dim cặp mắt, như muốn hình dung ra cái bảng thống kê của Pho-ren, tô nhiều màu xanh khác nhau.

— Thật là xanh lạ lùng. Thậm chí còn khó mà so sánh được với cái gì — Chị mở mắt và đột nhiên đôi mắt mèo của chị đăm đăm nhìn thẳng vào cặp mắt xanh như biển khơi của tên trung úy. Chị giật mình như có một

điều gì kỳ lạ vừa mới phát lộ ra trước mắt. Chị há miệng kinh ngạc và thì thào. « Chết mẹ rồi ! Thằng này, mày có một cặp mắt đúng như màu nước biển. Thế mà tao, tao cứ tự hỏi mãi tao đã nhận ra cái gì trong cặp mắt đó. Đồ cá chết toi ! ».

Tên trung úy lặng thinh.

Chân trời tràn ngập trong một màu máu phơn phớt da cam. Phía xa, nước lấp lánh hắt lên một làn phản quang màu mực. Trời dần dần lạnh giá. Xê-mi-an-ni thu hình vào dưới manh áo choàng tơi tả, rồi bảo :

— Hơi lạnh từ phía đông tràn sang đấy.

Vi-a-khia đáp lại :

— Chỉ còn thiếu có gió nữa thôi !

— Cóc sợ, từ đây đến đảo Bác-xa không đầy hai tiếng đồng hồ nữa. Nếu trời dịu ta sẽ ngủ đêm ở đó.

Họ im lặng. Những ngọn sóng ngả sang màu chì đã rập rờn.

Những dải mây hẹp trải dài trên nền trời đen đặc và lờm sờm.

— Tớ đã ngờ ngợ mà ! Có gió thổi rồi...

— Đến Bác-xa cũng không còn lâu nữa. Hẳn nó ở về phía bên trái chúng ta. Đảo ấy là một đảo hạng bét, chỉ có cát tứ bề và gió thổi hun hút. Nới dây ra ! Cái giống nhơ bẩn kia nới dây ra ! Có phải cái dây đeo quần của ông tướng nhà mày đâu !

Tên trung úy không nới kịp dây buồm. Mạn thuyền, mấp mé sát mặt nước ; một làn sóng ngầu bọt quật vào mặt mọi người. Nó cãi :

— Không phải tại tôi. Tại Ma-ri-a Phi-la-tốp-na cứ ngồi ngủ gục ở đằng lái đấy.

— Tao mà ngủ gục à ? Đồ cá chết toi ở đâu ? Tao đã biết cầm lái từ thuở lên năm cơ.

Sóng đuổi theo rồn rập, những đợt sóng cao và đen như những lưng rồng ngoác mõm rú rít, bập vào mạn thuyền.

— Con tườu! Mau mau cho tới đảo Bác-xa thôi! Chẳng trông thấy cái gì cả.

Vi-a-khia dõi mắt vào trong khoảng tối đen, về phía bên trái. Anh kêu lên vui vẻ:

— Nó kia rồi! Cái hòn đảo mất giống ấy kia rồi.

Một dải trăng trắng hiện lên lờ mờ qua bụi nước và sương mù. Xê-mi-an-ni hét:

— Lái vào bờ! Lậy chúa hãy phù hộ chúng tôi...

Sóng xô vào mũi thuyền ầm ầm, dây chão kêu ken két. Ngọn sóng ập vào trong khoang, nước ngập đến đầu gối.

Ma-ri-út-ka hét lên:

— Tát nước đi.

— Tát bằng cái gì?

— Tát bằng cái anh đội trên đầu ấy.

Xê-mi-an-ni và Vi-a-khia giật lấy mũ cắm đầu cắm cổ tát.

Tên trung úy ngần ngừ một giây rồi cũng nhảy đến cứu nguy bằng chiếc mũ kiểu Phần-lan của nó.

Vệt trắng như chạy lại về phía chiếc thuyền rồi biến thành một bờ đảo phẳng lì phủ đầy tuyết. Bọt bề sủi ùng ục càng làm cho nó thêm trắng.

Gió điên cuồng, rú rít, gầm thét, dâng lên những ngọn sóng lắc lư mỗi lúc một nhiều.

Gió giận dữ lăn sả vào thổi phồng cánh buồm như bụng người chửa rồi giật giẹo.

Vải buồm cũ, rách đánh bục một cái như tiếng đại bác. Xê-mi-an-ni và Vi-a-khia nhảy bổ đến cột buồm. Ma-ri-út-ka vừa kêu thất thanh vừa đè cả người lên tay lái:

— Giữ cho chắc đấy.

Phía sau, một ngọn sóng xõa xượi ầm ầm và lạnh giá lật nghiêng chiếc thuyền, rồi cả cái khối nước đồ sộ và trong veo ấy vọt ngang qua.

Khi chiếc thuyền gần đầy nước trở lại thăng bằng thì chẳng thấy Xè-mi-an-ni và Vi-a-khia đâu nữa. Những mảnh buồm rách nát ướt sũng nước phần phật trước gió.

Tên trung úy ngồi bệt xuống nước ngập ngang thắt lưng, vội vã làm dấu. Ma-ri-út-ka hét lên :

— Đồ trời đánh. Còn đợi gì mà không tát nước đi !

Nó mới nhảy chồm lên như một con chó săn sù lông và bắt tay vào việc.

Trong trời đêm, giữa tiếng gió rét Ma-ri-út-ka kêu lớn :

— Xê-mi-an-ni! Vi-a-khia !

Bọt sóng đánh tung lên. Không có tiếng người.

— Họ chết đuối mất rồi ! Trời ơi !

Gió đưa chiếc thuyền đã gần như chìm nghỉm về phía bờ. Nước sủi ùng ục xung quanh. Một ngọn sóng thúc mạnh, đáy thuyền chạm vào mặt cát sào sạo.

— Nhảy xuống nước đi.

Ma-ri-út-ka vừa nói lớn vừa nhảy xuống trước. Tên trung úy nhảy theo một cách nặng nề.

— Kéo thuyền vào.

Mắt mờ đi vì bụi nước, sóng đánh xô người, họ nắm lấy dây chão kéo chiếc thuyền cứ cặm sâu vào cát.

Ma-ri-út-ka cầm lấy mấy khẩu súng.

— Vác lấy mấy bì lương thực này.

Tên trung úy ngoan ngoãn chấp hành. Tới một chỗ khó, Ma-ri-út-ka buông rơi mấy cây súng. Tên trung úy cũng bỏ những bì lương thực xuống.

Trong đêm tối, Ma-ri-út-ka lại kêu to một lần nữa:

— Xè-mi-an-ni! Vi-a-khia!

Không một tiếng trả lời.

Ma-ri-út-ca gieo mình xuống những bì lương thực khóc nức nở.

Đằng sau chị, tên trung úy run như cầy sấy.

Nhưng nó cũng nhún vai và nói với tiếng gió:

— Cứ như là ở trong truyện ấy. Ma quỷ thật. Rô-bin-xơn và Thứ Sáu!

CHƯƠNG VI

Chương này diễn ra cuộc trò chuyện lần thứ hai và cũng bộc lộ rõ những tác động về sinh lý khốc hại của nước biển ở hai độ Rê ô muya [1]

Tên trung úy để tay lên vai Ma-ri-út-ka. Nó định nói nhiều lần nhưng hàm răng run lập cập, chưa nói được.

Nó chống nắm tay vào hàm và thốt ra:

— Khóc mà làm gì? Đi nào. Dù sao cũng không thể ở mãi đây được. Đến chết rét mất thôi.

Ma-ri-út-ka ngẩng đầu lên và nói giọng tuyệt vọng:

— Anh muốn đi đâu bây giờ. Ở giữa cái hòn đảo, bốn bề nước vây quanh này?

— Phải đi chứ. Tôi biết ở đây có những cái lều cá.

— Anh biết cái gì? Dễ thường anh đã ở đây rồi chắc?

— Chưa ở bao giờ cả. Nhưng hồi học ở trường, tôi đọc sách biết dân chài ở đây thường làm những cái lều để giữ cá. Phải tìm lấy một lều...

— Bao giờ thì tìm ra?

— Đêm tối sẽ giúp ta có những ý nghĩ sáng suốt. Thôi đứng dậy Thứ Sáu!

Ma-ri-út-ka sợ hãi nhìn tên trung úy:

— Dễ thường anh điên rồi chắc! Trời ơi! Tôi biết làm thế nào với anh bây giờ. Hôm nay không phải thứ sáu mà là thứ tư.

---

(1) Réaumur (1683-1757) nhà vật lý học người Pháp sáng chế ra hàn thử biểu.

— Đừng để tâm đến chuyện ấy nữa. Ta sẽ nói đến sau. Thôi đứng dậy.

Ma-ri-út-ka nghe theo. Tên trung úy cúi xuống để nhặt những cây súng, nhưng Ma-ri-út-ka giữ tay nó lại:

— Đừng có tầm bậy! Anh đã thề với tôi là không trốn cơ mà.

Tên trung úy vừa gỡ tay ra vừa cười rống lên:

— Không phải tôi, mà chính là chị điên rồi. Chị thử xem tôi có thể nghĩ đến việc trốn đi trong lúc này được không? Tôi muốn mang giúp chị mấy cây súng là vì để chị mang thì nặng quá.

Ma-ri-út-ka yên tâm nhưng cũng nói với một vẻ nghiêm nghị nhẹ nhàng.

— Cám ơn! Nhưng tôi nhận lệnh giải anh đi. Tôi không thể giao vũ khí cho anh được vì tôi phải chịu trách nhiệm.

Tên trung úy nhún vai và vác mấy bị lương thực bắt đầu đi. Mặt cát lẫn tuyết lạo sạo dưới bước chân. Bãi biển phẳng đều đều một cách tuyệt vọng và dường như bất tận.

Xa xa, một vật xam xám hiện lên dưới một lớp tuyết mỏng.

Ma-ri-út-ka đi chuệnh choạng dưới sức nặng của ba cây súng.

— Cố lên! Ma-ri-a Phi-la-tốp-na! Có thể chỗ kia là cái lều cá đấy!

— Phải tìm thấy lều cá ngay mới được. Tôi không thể cố được nữa. Người tôi rét cóng cả rồi.

Cuối cùng hai người đã gặp được một chiếc lều cá. Bên trong tối đen như trong một cái lò. Một mùi cá ẩm, tanh lộn mửa và mùi muối mặn tràn ngập cả không khí.

Tên trung úy sờ thấy một đống cá:

— Ồ! Có cá rồi. Ít nhất chúng ta cũng không bị đói!

Ma-ri-út-ka rên rỉ:

— Phải có ánh sáng mà trông xem. Có thể tìm được một chỗ khuất gió chăng?.

— Ở đây thì đừng hòng có điện!

— Thử lấy một con cá mà đốt, cá béo thế kia mà!

Tên trung úy phá lên cười:

— Cá à? Thôi đích là chị điên rồi!

Ma-ri-út-ka bực mình vặn lại:

— Anh tưởng thế chứ? Ở vùng chúng tôi, ở trên sông Vôn-ga, người ta chỉ đốt thế thôi đấy. Nó cháy hơn cả gỗ nữa là đằng khác.

— Tôi chưa nghe nói thế bao giờ? Và rồi làm thế nào mà đốt được. Tôi có bùi nhùi đây, nhưng...

— Cái đồ ru rú xó nhà! Rõ ràng là suốt đời anh chỉ quanh quẩn trong váy mẹ. Đây này, tháo những viên đạn ra. Tôi đi dỡ vách lấy gỗ...

Bằng những ngón tay tê cóng, tên trung úy chật vật tháo ra ba viên đạn. Trong bóng tối, Ma-ri-út-ka, tay ôm một ôm vỏ bào, vấp phải nó:

— Dốc thuốc thành đống ra đây! Đưa bùi nhùi vào!

Một chấm sáng màu da cam lóe lên ở chiếc bùi nhùi. Ma-ri-út-ka dí vào đống thuốc súng. Thuốc lách tách nổ, từ từ cháy lên một ngọn lửa vàng vàng rồi bén vào đám vỏ bào khô.

— Được rồi! Lấy một con cá, một con thật béo ấy.

Họ quẳng chú cá vào đống vỏ bào đang cháy. Nó co quắp lại rồi bốc cháy, ngọn lửa vừa nóng ấm vừa to đượm.

— Bây giờ chỉ việc chất thêm vào nữa thôi. Cá thì đủ ăn ít nhất là sáu tháng.

Ma-ri-út-ka nhìn khắp xung quanh. Ngọn lửa làm cho những cái bóng chập chờn rung rinh trên những đống cá to tướng. Vách gỗ đầy những lỗ hổng và khe hở.

Ma-ri-út-ka xem xét chiếc lều cá và bỗng kêu lên:

— Có một góc gần như nguyên vẹn. Anh chất cá vào đống lửa cho nó khỏi tắt, tôi đi bịt những lỗ hổng lại. Ta sẽ xếp thành một căn buồng hẳn hoi.

Tên trung úy ngồi gần đống lửa. Nó vừa sưởi vừa run. Trong góc tường, Ma-ri-út-ka di chuyển đống cá nghe loạt soạt lạch sạch. Cuối cùng chị gọi:

— Xong rồi. Đem lửa lại đây!

Tên trung úy nắm đuôi con cá đang bốc cháy, đi lại góc nhà. Ba phía xung quanh, Ma-ri-út-ka đã quây thành những bức tường bằng cá, chỉ để một khoảng trống ở giữa khoảng hai thước.

— Vào trong này và đốt lửa đi. Tôi để cá ở giữa nhà rồi. Tôi đi tìm mấy bì lương đây.

Tên trung úy đút con cá đang cháy xuống dưới đống cá. Đống cá từ từ bén lửa cháy lên một cách miễn cưỡng. Ma-ri-út-ka trở về xếp gọn những khẩu súng và mấy bì lương vào một góc:

— Đồ cá chết toi! Tiếc mấy cậu ấy quá. Họ hy sinh một cách vô ích...

— Ta nên hơ quần áo không có nhiễm lạnh đấy.

— Ừ, thì hơ đi. Bếp cá đang nóng. Anh cởi quần ra mà hong lên đi.

Tên trung úy ngần ngừ:

— Chị hơ đi Ma-ri-a Phi-la-tốp-na! Tôi ra ngoài kia đợi, và sẽ hơ sau.

Ma-ri-út-ka thương hại nhìn bộ mặt run rét của tên trung úy.

— Ai lại ngốc đến thế! Rõ ràng là một cậu ấm. Anh chưa bao giờ thấy một người đàn bà ở trần à?

— Không phải thế, nhưng có thể như vậy sẽ phiền chị chăng?

— Vớ vẩn! Ai cũng da thịt như nhau cả. Tựu trung thì cũng chẳng khác gì nhau nhiều lắm đâu—Ma-ri-út-ka nói gần như quát — Thôi cởi quần áo ra! Đồ ngốc. Anh run cầm cập như một khẩu liên thanh rồi đấy. Còn ra cái điều là làm rầy tôi nữa kia ư?

Quần áo vắt trên mấy cây súng bắt chéo bốc hơi lên bên ngọn lửa.

Ma-ri-út-ka khoác chiếc áo da lên vai:

— Phải ngủ đi. Có thể ngày mai sẽ lặng đấy. Cũng còn may mà thuyền chưa đắm. Khi im gió, cuối cùng ta sẽ tới sông Sya Đa-ri-a. Ở đấy ta sẽ lại gặp dân chài. Anh ngủ đi. Tôi trông lửa cho. Khi nào tôi buồn ngủ quá, tôi sẽ đánh thức anh dậy. Chúng ta sẽ thay phiên nhau.

Tên trung úy xếp quần áo để dưới đầu và đắp chiếc áo lông lên người. Nó ngủ mê mệt, mồm rên rẩm luôn luôn. Ma-ri-út-ka ngồi yên ngắm nó.

Chị nhún một bên vai:

— Dễ thường mình cần cái mối lo lắng này lắm đấy! Tội nghiệp! Miễn là nó đừng chết. Ở nhà chắc nó phải sống trên nhung lụa. Nó sống sung sướng biết bao! Đồ cá chết toi.

Khi ánh bình minh mờ xám rọi qua khe hở mái lều, Ma-ri-út-ka đánh thức tên trung úy dậy:

— Anh trông lửa nhé, tôi đi ra bờ đảo xem một lượt. Chưa biết chừng lại gặp quân ta cũng nên, nếu họ thoát chết!

Tên trung úy mệt nhọc ngồi dậy. Nó ôm lấy hai thái dương, làu bàu nói:

— Tôi đau đầu quá!

— Không việc gì đâu... Tại khói và mỏi mệt đấy. Rồi sẽ khỏi. Anh lấy bánh khô ở trong bì và nướng một con cá mà ăn.

Ma-ri-út-ka cầm một khẩu súng, kéo tà áo lau và đi ra.

Tên trung úy lê đầu gối bò đến tận đống lửa, lấy ở bì ra một chiếc bánh ướt nhèo. Nó cắn bánh, nhai một miếng, đánh rơi cái bánh rồi ngã gục xuống đất...

Ma-ri-út-ka vừa lay vai tên trung úy vừa gọi một cách tuyệt vọng:

— Dậy! Dậy đi! Khổ chưa!

Tên trung úy trợn mắt, há mồm ra.

— Này tôi bảo: Dậy đi! Sóng cuốn mất thuyền. Giờ thì hỏng cả rồi.

Tên trung úy chẳng nói chẳng rằng.

Ma-ri-út-ka chăm chú nhìn chằm chằm vào mặt nó và nén một tiếng kêu.

Cặp mắt xanh như biển khơi lúc này đục ngầu và điên dại. Má nó nóng bỏng ngả vào tay Ma-ri-út-ka, không còn một chút sinh lực.

— Đồ người rơm, thế mà đã nhiễm lạnh rồi! Biết làm thế nào với mày bây giờ?

Tên trung úy động đậy cặp môi.

Ma-ri-út-ka cúi xuống và nghe thấy:

— Thầy Mi-kha-in I-va-nô-vich... Xin thầy đừng cho tôi điểm xấu... Tôi đã không làm được xong bài... Ngày mai, tôi sẽ làm.

Ma-ri-út-ka run run hỏi:

— Cái gì? Cái gì hử?

Đột nhiên tên trung úy nhảy chồm lên hét:

— Tờ-rê-do[1]... Suyt... một con cun cút kìa...

Ma-ri-út-ka né ra giấu mặt vào hai bàn tay.

(1) Tờ-rê-do: tiếng Pháp là kho vàng. Ở đây là tên một con chó săn.

Tên trung úy lại nằm vật xuống, móng tay cào cào mặt cát.

Nó ú ớ những tiếng gì không rõ, tiếng nói như làm nó nghẹt thở.

Ma-ri-út-ka thất vọng quay đi.

Chị cởi chiếc áo da của mình giải xuống cát, kéo cái thân hình bất động của tên trung úy nằm lên một cách chật vật, rồi đắp chiếc áo lông lên người nó.

Ma-ri-út-ka nép vào bên cạnh tên trung úy, vẻ khổ sở. Những giọt nước mắt đục từ từ chảy trên khuôn mặt hốc hác của chị.

Tên trung úy cựa quậy, tung chăn ra, nhưng mỗi lần như vậy, Ma-ri-út-ka lại kiên nhẫn kéo chiếc áo lông đắp lại tới tận cằm cho nó.

Chị đặt mấy bì thức ăn xuống dưới cái đầu ngật ra của nó để làm gối.

Chị nói với bầu trời một cách lo ngại:

— Nếu nó chết, tôi biết nói với đồng chí Ép-xi-u-cốp thế nào đây? Khổ chưa!

Chị cúi xuống người tên trung úy đang sốt, và nhìn sâu vào cặp mắt xanh đã mờ đi của nó.

Một niềm thương vô hạn nhói vào tim Ma-ri-út-ka. Chị đưa bàn tay dịu dàng vuốt mái tóc loăn xoăn của tên sĩ quan, ôm lấy đầu nó và thì thào, trìu mến:

— Ngốc lắm! Cặp mắt xanh yêu dấu của tôi!

CHƯƠNG VII

Mới đầu còn rối rắm nhưng sau rồi sáng tỏ

Những chiếc kèn bạc có những chiếc chuông con treo ở bên trên.

Kèn réo rắt, chuông con rung lên một điệu lanh tanh dịu dàng và hư ảo.

— Ti-li-đông...Ti-li-đông...

— Ti-li-ti-li... đòng... đông...

Và kèn thổi tiếp:

— Tu-tu-tu-tu...

Một bài nhạc hành khúc, không còn nghi ngờ gì nữa. Hẳn là cái bài nhạc muôn thuở trong những buổi duyệt binh.

Và vẫn quảng trường ấy, bụi nắng rây qua vòm lá tơ xanh của cây tần bì.

Người chỉ huy dàn nhạc điều khiển các nhạc công của mình.

Y quay lưng về phía dàn nhạc và qua khe hở của áo ca-pốt, y để thò ra một cái đuôi cáo rậm rì, màu hung. Ở đầu chiếc đuôi cáo đó, y bắt vít một quả tròn bằng vàng trên có một cái thanh mẫu [1].

---

(1) Diapason: một dụng cụ âm nhạc dùng để lấy tiêu chuẩn độ cao của âm thanh cho chính xác.

Chiếc đuôi cáo ngoe nguẩy, cái thanh mẫu lấy âm độ, ra hiệu cho những chiếc kèn tờ-rông-pét và tờ-rông-bôn, và nếu một nhạc công nào lơ đãng, anh ta liền bị y gõ một cú vào trán.

Bọn nhạc công chăm chú chơi nhạc. Trông bọn họ thật lạ kỳ.

Những người lính rất bình thường, ở những trung đoàn cận vệ khác nhau. Một dàn nhạc bát nháo.

Nhưng bọn nhạc công lại không có miệng. Dưới mũi họ phẳng lì cả. Và những chiếc kèn được cắm vào cánh mũi bên trái.

Cánh mũi bên phải, họ thở hít không khí, cánh mũi bên trái, họ thổi kèn và do đó tạo ra một âm sắc đặc biệt, vừa chói tai lại vừa vui

— Diễu binh ngày lễ...

— ... ày lễ...

— Trung đoàn!...

— Tiểu đoàn!...

— Đại đội!...

— Đi đều, bước!...

Kèn thổi tu tu tu, những chiếc chuông con kêu leng keng, leng keng...

Đại úy Sơ-vét-xốp đi ủng đánh bóng loáng nhảy một điệu vũ cuồng loạn. Đít hắn ta rắn và tròn như một chiếc đùi lợn muối.

— Tốt lắm! quân bay!...

— Cám ơn, quan lớn....

— Trung úy!

— Trung úy, đại tướng gọi ngài!

— Trung úy nào?

— Trung úy của đại đội ba Gô-vô-ru-kha Ô-lơ-rốc. Đại tướng có lệnh đòi.

Đại tướng cưỡi ngựa, đứng ở chính giữa quảng trường, mặt đỏ, bộ ria trắng toát.

— Trung úy! Có chuyện gì thế?

— Ha, ha, hi, hi!

— Trung úy điên à? Trung úy không biết đang thưa chuyện với ai đây à?

— Hô! Hô! Ngài không phải là đại tướng... Ngài là một con mèo! Quan lớn ạ.

Đại tướng cưỡi trên mình ngựa. Từ thắt lưng trở lên thì đúng là một vị đại tướng như tất cả các vị đại tướng khác, nhưng từ phía dưới thắt lưng ngài lại có một bộ chân mèo. Cũng chẳng phải là giống mèo nòi nữa. Những cái chân màu xám vằn vện của thứ mèo chuyên chạy rông trong lòng máng, thân hình xơ xác.

Móng vuốt của đại tướng bấu vào bàn đạp ngựa.

— Anh sẽ phải ra trước tòa án quân sự, trung úy. Thật chưa từng thấy! Sĩ quan cận vệ mà lại có cái rốn lộn ngược!

Trung úy nhìn lại mình và ngẩn người ra. Dưới đai áo, cái rốn hiện ra như một cái ống mỏng mảnh màu xanh. Và cái rốn đó xoay xoay với một tốc độ nhanh lạ kỳ trong một sự chuyển động ly tâm. Trung úy tóm lấy cái rốn nhưng nó rẫy rụa không chịu.

— Bắt lấy! Một sự vi phạm lời thề!

Đại tướng rút chân khỏi bàn đạp ngựa và dương vuốt ra. Trên bàn chân của đại tướng có cái đinh thúc ngựa với một con mắt thay cho cái vòng hoa thị ở đầu đinh.

Một con mắt bình thường. Đồng tử màu vàng, sắc sảo, nhìn vào tận đáy lòng tên trung úy.

Con mắt chớp chớp một cách thân mật và nói (làm sao mà nó nói được? Bí mật):

— Đừng sợ! Đừng sợ mà! Thế là anh sống rồi đấy!

Một bàn tay nâng đầu tên trung úy dậy. Mở mắt ra, nó trông thấy một khuôn mặt hốc hác, những món tóc hung hung và chính con mắt màu vàng rất dịu dàng ấy...

— Tội quá! Anh ốm làm tôi sợ hết hồn. Thế là suốt cả một tuần, anh làm tôi rối cả ruột. Tôi đã tưởng không cứu nổi anh qua khỏi được. Độc chỉ có hai ta trên đảo này, chẳng có ma nào hết và thuốc men cũng không có. Tôi chỉ có nước nóng để chữa cho anh. Lúc đầu anh nôn mửa liên miên. Nước thì mặn, khó uống, uống vào bụng lại nôn ra ngay.

Những lời nói trìu mến, lo âu ấy, khó khăn lắm mới lọt được tới tri giác của tên trung úy.

Nó nhỏm dậy một chút, mơ hồ nhìn xung quanh.

Bốn bề cá xếp chồng chất, một ngọn lửa đang cháy, nước sôi trong chiếc cà mèn treo ở đầu cái thông nòng súng.

— Cái gì thế này? Đây là ở đâu?

— Anh quên rồi à? Tôi là Ma-ri-út-ka đây mà!

Tên trung úy đưa bàn tay gầy và xanh bóng lên xoa xoa trán.

Nó nhớ ra, nở một nụ cười yếu ớt và thì thào:

— À, phải! Tôi nhớ ra rồi! Rô-bin-xơn và Thứ Sáu!

— Anh lại thế rồi! Chắc hẳn là anh thiết tha với cái ngày thứ sáu của anh lắm. Tôi chẳng còn biết hôm nay là thứ mấy nữa. Tôi quên mất cả ngày tháng rồi...

Tên trung úy lại mỉm cười:

— Đó không phải là một ngày mà là một tên người. Đó là câu chuyện một người giạt vào một hoang đảo, sau một trận đắm thuyền. Anh ta có một người bạn tên là Thứ Sáu. Chị chưa đọc sách bao giờ à? — Nó gieo mình xuống chiếc áo và ho sù sụ.

— Không... chuyện thì tôi biết nhiều nhưng truyện ấy thì chưa. Anh nằm im đã, đừng cựa quậy nữa, kẻo lại ốm trở lại. Còn tôi, tôi đi nướng một chút cá đây. Anh ăn một chút cho nó lại người. Ít nhất là một tuần lễ rồi đấy, anh chỉ toàn uống nước. Người anh xanh như một tàu lá [1] thôi nằm im nhé!

Tên trung úy uể oải nhắm mắt lại. Trong đầu nó, lanh tanh lên một thứ tiếng của pha-lê. Nó nhớ lại tiếng kèn đồng và tiếng chuông pha-lê và mỉm cười. Ma-ri-út-ka hỏi:

— Có chuyện gì thế?

— Không có gì cả! Tôi nhớ lại một giấc mơ ngộ nghĩnh trong lúc mê sảng.

— Sao mà anh có thể hét ghê đến thế được. Anh ra lệnh chỉ huy rồi anh lại chửi rủa. Đủ mọi thứ chuyện! Trời thì gió như thế này, xung quanh chẳng có ai, chỉ mình tôi với anh giữa đảo mà anh thì lại ốm quá chừng. Tôi thật sợ biết mấy và chẳng còn biết làm thế nào? Ma-ri-út-ka rùng mình.

— Thế lúc ấy chị xoay xở ra sao?

— Thì anh thấy đấy. Điều mà tôi sợ nhất là anh chết vì đói. Chả có gì ăn ngoài nước biển: Còn ít bánh khô, tôi đem ngâm nước đun sôi cho anh ăn hết. Bây giờ thì chỉ còn có cá. Đối với một người ốm, cá ướp muối thì cũng chẳng phải một món ăn tốt đâu. Thế rồi khi thấy anh cựa được mình và mở được mắt, dù sao tôi cũng thấy nhẹ cả người.

Tên trung úy chìa tay ra. Nó đặt những ngón tay búp măng, tuy cáu ghét, nhưng vẫn đẹp, lên chỗ hóp khuỷu tay Ma-ri-út-ka, vuốt ve và nói:

— Cám ơn con chim bồ câu của tôi!

---

(1) Bản tiếng Pháp: người anh trở nên trong suốt như một cây nến.

Ma-ri-út-ka đỏ mặt rụt tay lại:

— Đừng cám ơn tôi, có gì đáng kể đâu. Dù sao, tôi cũng không phải là loài dã thú để đến nỗi bỏ chết một con người như vậy!

— Nhưng tôi là sĩ quan, là kẻ địch kia mà. Tại sao chị lại phải vất vả đến thế. Hơn nữa, chính chị cũng chẳng đang ở trong một tình trạng gay go đó hay sao?

Ma-ri-út-ka có vẻ ngạc nhiên, rồi làm bộ gạt phắt đi, chị phá lên cười:

— Một kẻ địch, anh ấy à? Thôi đi. Đến tay chân cũng chẳng còn nhắc lên nổi, còn nói chi đến thù với địch nữa. Có lẽ cái số tôi nó như vậy, bởi tại tôi không hạ thủ anh ngay ở phát đầu liền — điều đó chưa bao giờ xảy ra với tôi cả — Cho nên bây giờ không khéo tôi sẽ phải bận bịu vì anh cho đến cùng cũng nên. Này, ăn đi.

Ma-ri-út-ka chìa cho tên trung úy cái cà mèn lềnh bềnh một miếng cá béo ngậy màu hổ phách. Thịt cá trong suốt bốc lên một mùi thơm ngon.

Tên trung úy gắp những miếng cá ở trong cà mèn ra ăn ngon lành.

— Chỉ phải một cái là mặn quái quỉ, mặn rát cả cổ.

— Về chuyện đó, thì chẳng biết làm sao được. Nếu có nước ngọt còn có thể ngâm vào đó. Khốn nỗi cá đã mặn, nước lại mặn nốt. Chúng ta đang ở trong tình trạng thật quẫn bách. Đồ cá chết toi!

Tên trung úy gạt chiếc cà mèn ra.

— Anh không muốn ăn nữa à?

— Không! Tôi no rồi. Chị cũng nên ăn đi!

— Không! Cám ơn, tôi chán ngấy rồi, suốt cả tuần lễ, tôi chỉ ăn độc món này. Không thể nuốt trôi được nữa.

Tên trung úy chống khuỷu tay, nói giọng buồn buồn:

— Giá có điếu thuốc lá mà hút nhỉ!

— Hút thuốc à? Sao không nói ngay. Xé-mi-an-ni có ít thuốc lá xấu ở trong bọc. Thuốc bị ướt một tý nhưng tôi đã phơi khô rồi. Tôi biết chắc là thế nào anh cũng thèm hút thuốc. Cái nghề anh nào đã nghiện, lúc vừa ốm dậy lại càng thèm thuốc dữ. Này!...

Tên trung úy rất cảm động, nó cầm gói thuốc, ngón tay run run:

— Chị là một người đáng yêu lắm Ma-sa ạ. Còn hơn cả một người vú nuôi nữa kia!

— Bởi vì không có vú nuôi thì anh không thể sống được phải không? Đúng thế chứ?

Ma-ri-út-ka trả lời một cách khô khan và chị đỏ mặt lên.

— Chỉ phải mỗi cái là không có giấy đây này. Cái ông « bồ quân » của chị đã lấy hết giấy của tôi, một mẩu con cũng không còn; đã vậy cái tẩu của tôi lại cũng rơi mất...

Ma-ri-út-ka nghĩ ngợi:

— Giấy à?

Bằng một dáng điệu quả quyết, Ma-ri-út-ka lật vạt áo đang đắp trên người tên trung úy, thọc tay vào túi và rút ra một cuộn giấy con.

Chị cởi dây buộc rồi đưa cho nó mấy tờ:

— Này, cuốn lấy một điếu.

Tên trung úy cầm lấy mấy tờ giấy, chăm chú ngắm nghía. Nó ngước nhìn Ma-ri-út-ka, cặp mắt long lên một ánh xanh lơ ngỡ ngàng.

— Nhưng này, đây là những bài thơ của chị mà. Chị điên à? Tôi không muốn thế đâu!

— Cầm lấy, đồ quỷ ạ. Đừng có dày vò lòng dạ người ta. Đồ cá chết toi! — Ma-ri-út-ka kêu lên như vậy.

Tên trung úy nhìn Ma-ri-út-ka :

— Xin cảm ơn! Tôi sẽ không bao giờ quên chuyện này...

Nó sé một mẩu giấy nhỏ, cuộn một điếu thuốc và châm lửa hút. Nó nhìn ra xa xa qua làn khói biếc xanh.

Ma-ri-út-ka chầm chầm nhìn vào mặt tên trung úy. Đột nhiên chị hỏi :

— Này, tôi nghĩ mãi mà không làm sao hiểu, vì đâu mà anh lại có cặp mắt xanh đến thế. Đời tôi chưa từng trông thấy những con mắt như vậy. Xanh đến nỗi, tưởng như người ta có thể chết đắm vào trong đó được.

— Tôi cũng không biết nữa — tên trung úy trả lời — Lúc đẻ ra đã như thế rồi. Mọi người cũng thường bảo là màu mắt của tôi không phải là bình thường.

— Rất đúng. Ngay khi bắt được anh, tôi đã tự bảo rằng anh có một cặp mắt lạ biết mấy. Một đôi mắt nguy hiểm !

— Nguy hiểm cho ai ?

— Cho phụ nữ. Nó xâm chiếm cả tâm hồn người ta, và làm cho xao xuyến.

— Tâm hồn chị cũng thế ư?

Ma-ri-út-ka đỏ dừ mặt :

— Đừng nên hỏi những câu như thế. Nằm đấy ! Tôi đi lấy nước đây !

Ma-ri-út-ka đứng dậy cầm chiếc cà-mèn với một vẻ thanh thoát. Nhưng trước khi ra cửa, chị còn vui vẻ ngoảnh lại và nói như lần trước :

— Ngốc lắm ! Cặp mắt xanh yêu dấu của tôi !

CHƯƠNG VIII

Chương này không có điều gì cần giải thích nữa

Nắng tháng ba — ngưỡng cửa của mùa xuân.

Nắng tháng ba trên mặt biển A-ran, trên nền nhung xanh da trời. Ánh nắng nóng ấm vuốt ve và nhấm nhứt cả thịt da, khuấy động mạch máu trong người.

Thế là đã ba hôm nay, tên trung úy bước được ra ngoài.

Nó ngồi trước cửa lều sưởi nắng, đưa cặp mắt xanh trong sáng đã hồi sinh trở lại nhìn khắp xung quanh. Trong khi đó, Ma-ri-út-ka đi lục soát khắp đảo.

Ngày sau cùng, lúc lặn mặt trời, Ma-ri-út-ka trở về, rất vui tươi :

— Này, ngày mai ta dọn nhà!

— Đi đâu?

— Xa hơn một chút, cách đây gần tám dặm.

— Đó là cái gì thế?

— Tôi tìm thấy một túp nhà của dân chài, một tòa lâu đài chính cống. Rất khô ráo, chắc chắn, còn có cả cửa kính chưa vỡ nữa kia. Có bếp lò, bát đũa thừa thẹo, tất cả đều là những thứ có thể dùng được cả. Cừ nhất là có cả chỗ ngủ. Nằm vạ vật thế cũng đủ rồi. Kể ra nên dọn đến ngay bây giờ thì phải.

— Không biết nữa.

— Đúng thế, hơn nữa, tôi còn tìm được cái này. Một sự khám phá hay tuyệt!

— Gì đó?

— Ở sau bếp lò, còn có một cái hốc dùng làm chỗ để thức ăn. Mà này ở đó còn sót lại một ít lương thực gồm có gạo và gần tám cân bột nữa. Hơi mốc một tý thật đấy nhưng vẫn cứ chén được. Chắc là mùa thu, bão gió kéo đến, dân chài vội « phới » quá nên mới bỏ quên. Thôi bây giờ thì đời tươi rồi.

Sáng hôm sau, hai người dọn đi. Ma-ri-út-ka đi trước mang vác nặng như một con lạc đà. Ma-ri-út-ka mang tất cả chẳng muốn để cho tên trung úy cầm cái gì cả.

— Đi thôi. Ngộ nhỡ anh ốm lại thì sao, tôi chả chơi dại đâu! Đừng ngại gì hết. Tôi trông có vẻ yếu, ấy thế mà lại vững ra trò.

Đến trưa, hai người tới chỗ túp nhà. Họ dọn sạch tuyết, buộc lại cánh cửa bật ra bật vào bằng một mẩu dây thừng, chất đầy cá vào bếp lò rồi vừa sưởi vừa mỉm cười khoái trí:

— Tuyệt, chúng ta sống như những sa-hoàng vậy!

— Hoan hô Ma-sa. Suốt đời tôi chịu ơn Ma-sa! Không có Ma-sa hẳn tôi sẽ không biết xoay xở ra thế nào nữa!

— Hẳn đi chứ lại, cậu ấm ạ!

Ma-ri-út-ka ngừng một lát, xoa xoa tay trước ngọn lửa:

— Bây giờ thì ấm áp, rõ hẳn rồi. Nhưng sau này rồi sẽ ra sao?

— Sau này à? Chả sao cả, ta sẽ đợi thôi.

— Đợi cái gì?

— Đợi mùa xuân. Cũng không lâu đâu. Bây giờ là trung tuần tháng ba. Chỉ độ mười lăm ngày nữa là dân chài đến tìm cá, và họ sẽ giúp chúng ta thoát khỏi nơi này!

— Hãy cứ hy vọng như thế đi vì cứ cá khô với bột mốc mà ních mãi thì chẳng chịu được mấy nả đâu. Dăm bữa nửa tháng thì khả dĩ còn kham nổi, nhưng sau nữa là đi đứt! Đồ cá chết toi!

— Tại sao lúc nào chị cũng nói đồ cá chết toi thế?

— Dân chài chúng tôi ở Át-xtơ-ra-khan hay nói thế để khỏi nói những chữ tục tĩu. Tôi, tôi không thích những chữ tục. Nhưng thỉnh thoảng điên tiết lên, thì cũng phải nói một câu gì cho nó hả một chút.

Ma-ri-út-ka quay trở con cá trên lò bằng cái thông nòng súng rồi hỏi tiếp:

— Anh có nói với tôi về chuyện cái đảo hoang... với lại anh chàng Thứ Sáu ấy mà. Anh kể chuyện ấy cho tôi nghe với trong khi ta ngồi đây chẳng có việc gì làm. Tôi rất mê những chuyện hay. Tôi có một bà cô. Các bà già luôn luôn tụ tập ở nhà bà ta rồi dắt bà cụ Gu-nhi-kha về kể chuyện. Bà cụ còn nhớ cả về Na-pô-lê-ông. Khi bà cụ bắt đầu kể chuyện, là tôi cứ ngồi dán vào một góc nhà, chỉ sợ lọt ra ngoài tai mất từng chữ nhỏ.

— Kể chuyện Rô-bin-xơn cho chị nghe ấy a? Tôi quên đến một nửa rồi. Tôi đọc truyện ấy đã lâu lắm...

— Anh nhớ lại đi. Và cứ kể cho tôi nghe tất cả những chỗ anh còn nhớ vậy.

— Được để thử xem.

Tên trung úy cố moi lại ký ức, cặp mắt lim dim.

Ma-ri-út-ka giải chiếc áo da lên tấm ván giường rồi ngồi vào một góc bếp lò.

— Lại đây, chỗ này ấm hơn!

Tên trung úy trèo lên. Bếp lò cháy vui vẻ ấm áp:

— Thế nào! Kể đi. Tôi sốt ruột không chịu được nữa rồi. Tôi rất mê nghe chuyện.

Tên trung úy chống lên khuỷu tay rồi bắt đầu :

— Ngày xưa, có một nhà giàu sống ở thành phố Li-vớc-pun. Anh ta tên là Rô-bin-xơn Cờ-ruy-dô-ê...

— Thành phố ấy ở đâu nhỉ ?

— Ở nước Anh... một người nhà giàu tên là Rô-bin-xơn Cờ-ruy-dô-ê.

— Khoan đã! Anh nói: một người nhà giàu à? Tại sao trong tất cả mọi chuyện lúc nào người ta cũng nói đến những người nhà giàu với những sa hoàng? Thế còn người nghèo không bao giờ người ta đặt chuyện về họ à ?

Tên trung úy lúng túng trả lời:

— Không biết. Tôi chưa bao giờ nghĩ tới điều ấy cả.,

— Đích là tất cả mọi chuyện đều do người giàu đặt ra. Nói cho cùng thì cũng như tôi đây thôi. Tôi muốn làm thơ nhưng lại kém văn hóa; nếu không thì tôi đã có thể viết rất hay về chuyện những con người nghèo khổ. Nhưng không sao! Tôi sẽ học thêm chút ít và tôi sẽ viết...

— Ừ, ấy thế, cái anh chàng Rô-bin-xơn Cờ-ruy-dơ-ê kia ôm ấp ý định đi chu du, làm một «tua» quanh thế giới để xem thiên hạ sinh sống ra sao. Và anh ta dời Li-vớc-pun ra đi trên một con thuyền buồm lớn...

Bếp lò nổ lách tách. Tiếng tên trung úy tuôn ra như nước giỏ giọt đều đặn.

Dần dần nó nhớ lại câu chuyện và cố gắng không bỏ sót một chi tiết nào.

Ma-ri-út-ka say mê lắng nghe, đến những đoạn hồi hộp nhất, chị lại thốt ra những tiếng reo thán phục.

Khi tên trung úy tả lại chỗ Rô-bin-xơn đắm thuyền, Ma-ri-út-ka nhún vai một cách khinh bỉ hỏi lại:

— Thế nào? Tất cả mọi người trên thuyền đều chết cả, trừ một mình hắn ta thôi à?

— Ừ tất cả mọi người!

— Hẳn cái anh thuyền trưởng của họ là một thằng cha đốn mạt hay là hắn say mèm như con lợn. Chẳng bao giờ có ai làm cho tôi tin được rằng một người thuyền trưởng cừ lại có thể để chết tất cả mọi người trên thuyền mình. Ở biển Cát-xpiên chúng tôi, những chuyện đắm thuyền kể có hàng đống, nhưng họa hoằn lắm mới có vài ba người chết một lần, còn tất cả những người khác bao giờ cũng thoát được.

— Tại sao vậy? Này thế thuyền của chúng ta, Xê-mi-an-ni và Vi-a-khia cũng chả chết là gì đấy? Vậy ra, chị cũng là một người thuyền trưởng tồi hoặc chị cũng say mèm trước khi đắm thuyền hay sao?

Ma-ri-út-ka chịu cứng:

— Thôi, tôi chịu anh rồi, không cãi được nữa! Đồ cá chết toi! Được kể tiếp đi.

Đến đoạn Thứ Sáu xuất hiện, Ma-ri-út-ka lại ngắt lời:

— À, ra vì thế mà anh mệnh danh cho tôi là Thứ Sáu đấy. Và như thế thì cũng kể như anh là Rô-bin-xơn chứ gì? Và anh bảo Thứ Sáu là người da đen phải không? Một người da đen ư? Tôi đã trông thấy một người da đen ở rạp xiếc Át-xtơ-ra-khan.

Đến chỗ Rô-bin-xơn bị bọn cướp hành hung, Ma-ri-út-ka kêu lên, cặp mắt nẩy lửa:

— Mười người đánh một à? Đồ khốn kiếp, đồ cá chết toi!

Tên trung úy kể xong câu chuyện.

Ma-ri-út-ka mơ màng thu mình lại, nép vào vai nó. Chị thì thầm trong một trạng thái nửa tỉnh nửa mê:

— Đúng vậy rồi. Chắc anh biết nhiều chuyện lắm nhỉ? Mỗi ngày anh phải kể cho tôi nghe một chuyện như thế mới được.

— Chị thích chuyện ấy đấy chứ?

— Còn nói gì nữa. Thích đến run người lên ấy chứ! Ít ra thì những buổi chiều cũng sẽ không đến nỗi dài dằng dặc nữa.

Tên trung úy ngáp dài.

— Anh buồn ngủ à?

— Không! Nhưng bệnh tật đã làm tôi yếu đi.

— Tội nghiệp! Con người ốm yếu nhỏ bé của tôi!

Một lần nữa, Ma-ri-út-ka đưa tay lên âu yếm vuốt trên mái tóc tên trung úy. Nó ngạc nhiên ngước cặp mắt xanh nhìn chị. Từ đôi mắt đó, một niềm trìu mến toát ra, ôm ấp lấy trái tim Ma-ri-út-ka. Chị cúi xuống một cách nhiệt thành trên gò má hóp của tên trung úy áp đôi môi ram ráp và se sắt của mình lên chòm râu lởm chởm của nó.

CHƯƠNG IX

Chương này chứng tỏ rằng: cho dù trái tim có cả gan xem thường mọi quy luật thì cũng không phải vì thế mà ý thức không do con người quyết định

Đáng lẽ tên trung úy cận vệ Gô-vô-ru-kha Ô-tờ-rốc phải là người thứ bốn mươi mốt trong quyển sổ khai tử của Ma-ri-út-ka. Nhưng nó lại chỉ là người đầu tiên trong sổ hạnh phúc của chị. Trái tim Ma-ri-út-ka tràn ngập một niềm trìu mến đối với tên trung úy, có đôi tay thon đẹp, có giọng nói dịu ngọt, và nhất là có cặp mắt xanh kỳ lạ.

Màu xanh ấy làm sáng rỡ cả cảnh sống của Ma-ri-út-ka.

Ma-ri-út-ka quên cả mặt biển A-ran buồn tẻ, quên cả mùi cá mắm mặn và mùi bột mốc meo đến se ruột, quên cả nỗi nhớ nhung bối rối cuộc đời đang lồng lộn gầm thét ở bên kia mặt biển tăm tối mênh mông. Hàng ngày Ma-ri-út-ka làm cái công việc bình thường là nướng bánh, nấu cái thứ cá tởm lợm đã làm lợi của hai người lấm tấm mụn. Thỉnh thoảng Ma-ri-út-ka lại ra bờ đảo ngóng xem có thấy cánh buồm hằng mỏi mắt trông chờ có hiện lên ở chân trời.

Buổi chiều khi vừng mặt trời hau háu đã tụt xuống từ trên nền trời dịu mát, Ma-ri-út-ka lại ngồi thu mình trong một góc, nép vào vai tên trung úy mà nghe kể chuyện.

Tên trung úy kể rất nhiều chuyện. Nó quả là một tay biết kể chuyện.

Ngày lại ngày từ từ trôi qua trơn lừ như làn sóng.

Một hôm, tên trung úy ngồi nhàn nhã trên bực cửa dưới ánh mặt trời, mắt dõi theo bàn tay của Ma-ri-út-ka đang khéo léo đánh vẩy một chú cá to. Nó nhún vai nói:

— Hừm... Kể ra thì cũng ngu xuẩn thật!...

— Anh nói cái gì thế, anh yêu?

— Anh bảo rằng: Thật là ngu xuẩn. Tất cả cuộc đời anh đều hoàn toàn ngu xuẩn. Những khái niệm sơ đẳng, những tư tưởng in sâu vào trong óc, tất cả đều ngu xuẩn hết. Những dấu hiệu quy ước như ở trên một tấm bản đồ về địa hình. Trung úy cận vệ ư? Ma quỷ bắt cái chức trung úy cận vệ ấy đi! Điều mà anh mong muốn là được sống. Anh đã sống hai mươi bảy năm, nhưng anh thấy rằng thực ra anh chưa hề được sống. Anh tiêu hàng đống tiền, anh chạy ngược, chạy xuôi khắp cả để đi tìm một cái lý tưởng cha căng chú kiết gì không biết. Nhưng tim anh vẫn bị một nỗi lo âu ghê gớm gặm nhấm, vì cái rỗng không, vì cái nỗi không thỏa mãn đó. Và anh nghĩ rằng, giá lúc ấy, có ai bảo với anh những ngày sống đầy đủ nhất trong đời anh sẽ là những ngày ở đây, ở trên cái bãi cát vô lý này, giữa một cái biển khốn nạn này thì chẳng bao giờ anh lại tin như thế được.

— Anh nói những ngày nào?

— Những ngày đầy đủ nhất. Em không hiểu à? Nói thế nào cho em hiểu được anh bây giờ nhỉ? Những ngày mà anh không còn cảm thấy mình là kẻ thù của loài người, là một bộ phận nhỏ dấn vào trong cuộc chiến đấu lẻ loi nữa, mà là những ngày con người anh hoàn toàn tan vào — y vung mạnh tay — vào trong cái

khối người trần tục ấy. Lúc này anh cảm thấy hoàn toàn hòa cả xương lẫn thịt vào với cái khối đó. Hơi thở của nó là hơi thở của anh. Em có nghe thấy tiếng sóng thở rào rạt không? Không phải là hơi thở của sóng đâu mà đó là của anh, của tâm hồn anh, của thể xác anh.

Ma-ri-út-ka đặt dao xuống:

— Anh nói những chữ thông thái, em không hiểu hết tất cả. Nhưng em thì em chỉ nói với anh một cách đơn giản là em sung sướng thế thôi.

— Thì cũng là như thế, dù chữ dùng có khác. Hôm nay anh tưởng như tốt hơn hết là không bao giờ nên rời bỏ cái bãi cát nóng bỏng và ngợ ngẩn này, cứ ở đây mãi mãi để dãi nắng và sống một cuộc đời thú vật sung sướng...

Ma-ri-út-ka đăm đăm nhìn vào mặt cát tưởng như đang cố nhớ lại điều gì quan trọng. Chị cười, với một vẻ vừa âu yếm vừa như phạm lỗi:

— Ồ thế thì không. Em thì chẳng ở lại đây mãi đâu. Thế này thì nhác nhớm quá đấy, cuối cùng rồi đến thối người ra mất. Chẳng có ai để tỏ nỗi niềm hạnh phúc của mình. Bốn xung quanh chỉ toàn là cá chết. Cầu mong cho những người đánh cá mau mau đến đây! Chẳng bao lâu nữa là hết tháng ba rồi. Em thèm được nhìn thấy những con người sống quá chừng.

— Thế ra, dễ thương chúng ta không phải là những con người sống đây ư?

— Tất nhiên là phải rồi, nhưng bột chỉ còn đủ ăn một tuần lễ, và lại mốc nữa. Rồi đây, thiếu cái ăn bệnh tật lại sẽ xâu xé chúng ta nữa; lúc đó mới thật là đẹp nhé! Và, hơn nữa, anh thân yêu của em, chúng ta không phải sống ở một thời kỳ có thể ngồi an nhàn một chỗ được đâu. Ngoài kia quân ta đang chiến đấu, đang đổ máu. Một cánh tay cũng là đáng kể. Thế cho nên em

không thể ngồi bình chân như vại được. Em vào bộ đội, thề thốt dưới cờ, đâu có phải để làm như vậy.

Cặp mắt của tên trung úy ngước lên ngỡ ngàng:

— Thế em muốn trở lại làm lính à?

— Hẳn đi rồi!

Tên trung úy mân mê một mẩu gỗ nậy ra ở bực cửa rồi nhẩn nha tuôn ra một thôi:

— Em lạ quá! Anh muốn nói với em như thế này này Ma-sa ạ. Anh ngấy tất cả những điều ngu ngốc đó đến mang tai rồi. Biết bao nhiêu năm máu đổ, hận thù. Đâu có phải anh là lính ngay từ trong nôi. Anh đây, trước kia anh cũng đã từng sống một cuộc đời tốt đẹp, cuộc đời của con người. Trước chiến tranh, anh là sinh viên; anh học khoa thần học. Anh không yêu cái gì bằng những cuốn sách trung thành của anh. Anh có vô khối sách. Sách để kín ba bức tường, lên đến tận trần nhà. Những buổi chiều, khi màn sương mù của Pê-xtéc-bua, chẹn nghẹt hơi thở mọi người dưới bàn chân ẩm ướt của nó, thì trong phòng anh, lò sưởi vẫn ấm áp, ngọn đèn cháy sáng dưới chiếc chụp đèn... Anh, anh ngồi trong chiếc ghế bành của anh, tay cầm một cuốn sách. Và anh cứ để mặc cho mình sống một cách vô tư y như hôm nay đây. Tâm hồn bừng nở ra. Anh nghe thấy cả tiếng sột soạt nhỏ nhẹ của những cánh hoa. Y như những cây hạnh đào về mùa xuân ấy; em có nhận ra thế không?

— Hừ...

Ma-ri-út-ka ậm ừ một cách lơ mơ, nghi hoặc.

— Thế rồi, có một hôm thật là oan nghiệt, tất cả mọi sự đều tan vỡ tiêu ma cả. Anh còn nhớ như là mới đâu hôm nay thôi. Anh đang ở thôn quê, ngồi trên sân thượng, anh còn nhớ cả lá lúc đó, anh đang đọc sách. Mặt trời hoàng hôn nặng nề đỏ đọc, nhận chìm mọi

vật trong một thứ ánh sáng máu me. Cha anh ở ngoài ga về, người cầm một tờ báo và có vẻ xúc động lắm. Người chỉ nói một chữ, một chữ thôi nhưng nặng nề đến chết người đi được... Chiến tranh... Một chữ kinh khủng máu me như trời hoàng hôn lúc đó. Và cha anh nói tiếp: «Va-đim con, tổ tiên, ông cha con đang đứng lên theo tiếng gọi đầu tiên của Tổ quốc. Cha hy vọng rằng con...». Người hy vọng là phải. Anh từ biệt những cuốn sách của anh. Anh rất có thiện tín khi ra đi...

Ma-ri-út-ka nhún vai kêu lên:

— Thật chán ốm. Vậy ra, nếu như cha tôi say rượu, đập đầu vào tường thì có nghĩa là tôi cũng phải làm theo như thế hay sao? Tôi thật không thể hiểu được!

Tên trung úy thở dài:

— Ừ... đó là những điều em không thể hiểu được. Gánh nặng đó, chưa bao giờ đè xuống vai em cả. Tên tuổi nhà anh, danh dự nhà anh... Nhiệm vụ... Tất cả những điều đó, đối với anh rất quan thiết.

— Thật không? Này, tôi đây, tôi cũng yêu cha tôi mặc dầu cha tôi là một người rượu chè be bét. Nhưng tôi không bắt buộc phải bắt chước cha tôi, nếu ông cụ là một người nghiện rượu. Anh nên đưa ông tổ nhà anh về vườn với bà tổ anh đi thì hơn!

Tên trung úy cười gằn một cách hung bạo:

— Anh không làm như vậy. Nhưng chiến tranh đã chi phối anh. Chính tay anh đã dìm trái tim anh trong cái đống thối tha, cái thùng rác công cộng ấy. Cách mạng đến, anh đặt tin tưởng vào nó như một người tình... Nhưng, cách mạng... trong suốt thời gian anh làm sĩ quan, anh chưa hề động đến lông chân một người lính nào. Nhưng ở nhà ga Gô-men, người ta đã thộp lấy ngực anh, giật phăng ngù vai của anh, và nhổ

vào mặt anh. Vì tội gì chứ? Anh đành trốn đến miền U-ran. Anh vẫn còn tin tưởng vào Tổ quốc. Anh vẫn muốn chiến đấu vì Tổ quốc, vì Tổ quốc đang bị phỉ nhổ, vì những chiếc lon vai bị bôi nhọ của anh. Anh đã chiến đấu, nhưng rồi anh thấy rằng Tổ quốc chỉ là hư vô, và chiếc lon vai cũng chẳng đáng để anh phải chiến đấu vì nó. Và thế là anh tưởng nhớ đến Tổ quốc thực sự duy nhất của con người: đó là tư tưởng. Anh nhớ đến sách vở, anh muốn tìm lại sách vở, vùi đầu vào sách vở, xin lỗi sách vở, và sống với sách vở...

— À, thì ra, quả đất có thể vỡ làm đôi, mọi người cứ tắm mình trong bể máu, vì cố công đi tìm công lý; còn anh, anh cứ việc ăn no ngủ kỹ mà đọc sách chứ gì?

Tên trung úy chồm lên hét:

— Ta không biết... Ta không muốn biết điều đó. Tất cả những điều ta biết là giờ đây, ta đang sống cái buổi hoàng hôn của thế gian. Cô nói rất đúng: quả đất vỡ làm đôi. Phải, nó đang vỡ đó, cái con mụ già khốn kiếp ấy! Nó đã rỗng ruột, nó đã bị tàn phá, bị phanh xác ra rồi. Chính cái trống rỗng đó giết chết nó. Ngày xưa, nó còn trẻ, còn phì nhiêu, chưa ai khai thác; nó quyến rũ người ta bằng những xứ sở mới lạ, bằng những của cải hằng hà sa số. Bây giờ thì hết rồi không còn gì để khám phá nữa. Tất cả những mưu mẹo của con người bây giờ chỉ còn dùng để giữ của, để sống thêm hàng thế kỷ, hàng năm, hàng phút. Kỹ thuật! Những con số chết. Và tâm tư vốn đã cằn cỗi đi vì những con số; vẫn phải vắt kiệt ra để nghĩ những phương pháp triệt hạ nhau. Tiêu diệt được nhiều sinh linh bao nhiêu, càng tốt, để cho những kẻ sống sót, có thể ních đầy ruột và đầy túi. Ma quỷ bắt chúng đi! Ta không muốn công lý nào ngoài công lý của ta. Đủ rồi. Ta không làm trò nữa. Ta không muốn tự bôi nhọ mình nữa.

— Đồ công tử bột? Đồ cậu ấm, vậy ra kẻ khác phải đi hót phân để cho riêng anh sung sướng à?

— Ừ, ừ, ừ, những kẻ khác nếu họ thích thế thì cứ việc. Hãy nghe này, em Ma-sa, khi nào thoát khỏi nơi này, chúng ta sẽ đi Cô-ca-dơ. Anh có một tòa biệt thự nhỏ về phía Xu-khum. Anh sẽ trốn vào đấy với đống sách vở của anh và chỉ có thế thôi. Một cuộc sống bình lặng, yên thân. Anh không thiết công lý, anh chỉ muốn yên thân. Và em, em sẽ được học. Vì em muốn học phải không? Em vẫn nói với anh rằng em chưa được học gì cả. Thế thì em sẽ học. Anh sẽ làm tất cả vì em. Em đã cứu sống đời anh. Điều đó không bao giờ anh quên.

Với một cử chỉ mạnh mẽ, Ma-ri-út-ka đứng dậy. Chị nhổ vào mặt tên trung úy những lời chua chát:

— Nếu tôi hiểu đúng ý anh, thì trong khi, những người khác xả thân vì công lý, thì chúng ta, tôi và anh vẫn cứ nằm ấm áp trên nhung đệm và nhích đầy bụng kẹo bánh cho dù mỗi chiếc kẹo đều vấy máu. Có đúng như thế không?

Tên trung úy thỉu xuống hỏi lại:

— Sao lại thô lỗ đến như thế?

— Thô lỗ à? Anh muốn mọi sự đều phải dịu dàng, ngọt như mía lùi[1] ư? Khoan! Khoan! Anh vừa mới thóa mạ công lý của người Bôn-sê-vích. Anh nói anh không cần biết gì hết. Nhưng anh chẳng bao giờ biết cái gì về công lý của người bôn-sê-vích cả! Vậy chứ anh có biết nó là cái gì không? Anh có biết rằng nó dẫm bao nhiêu mồ hôi nước mắt không?

Tên trung úy cãi một cách yếu ớt:

— Tôi không biết, nhưng điều làm cho tôi ngạc nhiên là sao một người con gái lại trở nên thô lỗ đến thế?

(1) Bản tiếng Pháp: Với một thứ nước sốt pha đường.

Tay chống nạng, Ma-ri-út-ka hét:

— Này, tôi lấy làm xấu hổ phải nói chuyện với một người như anh. Đồ sên vắt! Cái đồ gà rù! À, lại đây em Ma-sa bé bỏng của anh, lại đây nằm trên cái giường rất êm này — chị nhại lại tên trung úy — Người khác đổ mồ hôi sôi nước mắt để trồng nên lúa mới, còn anh? Con nhà vô loài!

Tên trung úy đỏ mặt tía tai, mím chặt cặp môi mỏng:

— Câm đi! Mày phải giữ tôn ti trật tự chứ... Đồ đĩ!

Ma-ri-út-ka tiến lên một bước, tát thẳng cánh vào chiếc má hóp lông lá, lởm chởm của tên trung úy.

Nó lảo đảo và run lên, tay nắm chặt. Nó phun phì phì những tiếng ngắt quãng:

— May mà mày là một con đàn bà đấy... tao căm ghét mày! Đồ rạc rầy!

Nó quay trở vào trong lều.

Ma-ri-út-ka ngắm nhìn lòng bàn tay mình một cách ngạc nhiên. Chị làm một cử chỉ như vừa tỉnh ngộ và nói bâng quơ chẳng hiểu là nói với ai:

— Cái ông tướng đến là nóng tính. Đồ cá chết toi!

CHƯƠNG X

Chương này nói về tên trung úy Gô-vô-ru-kha Ô-tơ-rốc nghe thấy tiếng rơi vỡ ầm ầm của vị hành tinh hấp hối trong khi tác giả khước từ mọi trách nhiệm ở đoạn kết

Ba ngày liền tên trung úy và Ma-ri-út-ka không nói gì với nhau.

Nhưng cùng ở trên một hòn đảo, người ta không thể làm lơ không biết đến nhau được. Và mùa xuân đến đã giúp hai người làm lành với nhau.

Mùa xuân đến trong khí thế rực lửa và không gì cản nổi.

Vỏ tuyết đã tan ra dưới ánh nắng như dưới bước đi rậm rịch của những vó ngựa bịt vàng. Hòn đảo đã mềm ra, vàng vàng một màu vàng hoàng yến trên mặt thủy tinh xanh sẫm của nước biển.

Buổi trưa, cát nóng bỏng tay không thể mó tới được.

Mặt trời được gió biển ẩm ướt rửa sạch, đang lăn lăn chiếc bánh xe bằng vàng nền xanh dày đặc.

Nắng gió, bệnh tật đã cướp đi những hơi sức cuối cùng của hai người. Họ không còn bụng dạ nào mà cãi cọ nhau nữa.

Suốt cả ngày, họ nằm lăn trên bãi cát không rời mắt nhìn mặt nước như thủy tinh, dõi tìm một cánh buồm bằng đôi mắt đỏ lửa.

— Tôi không thể chịu được nữa. Nếu trong ba ngày nữa mà những người đánh cá không tới, tôi sẽ tự cho tôi một phát đạn. Xin lấy danh dự mà nói như vậy.

Ma-ri-út-ka dõi mắt vào nền trời xanh vô tình rên rầm tuyệt vọng.

Tên trung úy huýt sáo nho nhỏ:

— Thế mà còn mở miệng bảo người ta là đồ gà rù. Chịu khó một chút « chiến sĩ » ạ, rồi « chiến sĩ » sẽ trở thành thuyền trưởng. Cô thật đặc một tay thuyền trưởng của kẻ cướp đấy!

— Ai lại để bụng lâu đến thế? Chuyện đã qua rồi thì thôi chứ. Tôi xỉ mắng anh thật ra cũng đáng lắm kia. Tôi lấy làm khổ tâm khi thấy anh là một con người quá nhu nhược, như con chim sẻ ấy. Thật bực mình. Với cặp mắt xanh của anh, anh làm tôi xao xuyến cả tâm hồn.

Tên trung úy ngật ngửa người ra trên cát nóng bỏng, hai chân dẫy đành đạch, cười giòn.

Ma-ri-út-ka băn khoăn hỏi:

— Anh làm sao đấy?

Tên trung úy cười rũ rượi.

— Nói đi! Đồ điên!

Nhưng nó lại càng tiếp tục cười già, cho đến lúc Ma-ri-út-ka phải thụi cho một quả vào bên sườn.

Nó đứng dậy, đôi mắt ướt đẫm vì cười dữ quá.

— Có cái gì mà anh cười dữ thế?

— Ma-ri-a Phi-la-tốp-na ạ. Cô quả là một thiếu nữ cừ. Cô có thể làm cho bất cứ ai cũng phải vui. Với cô, thì người chết cũng phải nhảy múa đấy!

— Theo anh thì tốt hơn hết là cứ để mình chơi vơi trôi giạt như một mẩu gỗ giữa dòng ư? Để bản thân mình cũng thấy rầy rà và để quấy rầy người khác hay sao?

Tên trung úy lại cười. Nó vỗ một cái vào vai Ma-ri-út-ka :

— Xin cảm ơn, bà chúa của các nữ binh. Thứ Sáu đáng yêu của tôi! Em đã làm cho tôi tỉnh ngộ lại. Em đã rót cho tôi ly rượu quý của sự sống. Tôi không muốn để thân tôi chơi vơi như khúc gỗ giữa dòng theo câu nói hoa mỹ của em. Tôi đã thấy rằng chưa đến lúc quay về với sách vở. Không! Nhất định là chúng ta cần phải sống thêm chút nữa, phải nghiến răng lại, phải chiến đấu với bầy chó sói, phải cho chúng biết tay ta [1].

— Có thể như thế không? Có thật là anh đã bắt đầu vỡ lẽ ra rồi không?

— Đúng rồi, em yêu của anh, đúng rồi. Cám ơn em đã cho anh một bài học! Nếu ta quay về với sách vở, để cho các người hoàn toàn làm chủ trái đất, thì các người sẽ làm những gì có thiên lôi mà biết! Không! Em bé ngốc nghếch thân yêu của anh, chừng nào mà...

Bỗng tên trung úy ngừng bặt, hồn hển.

Cặp mắt xanh dăm dăm nhìn chân trời và cháy lên một ngọn lửa vui tươi.

Tên trung úy giơ tay chỉ và dịu dàng nói bằng một giọng run run :

— Một cánh buồm!

Ma-ri-út-ka nhảy chồm lên, như bị một cái lò xo bên trong thúc đẩy. Chị nhìn: ở đằng xa, tít tắp trên đường chân trời màu chàm, một tia sáng trắng lóe lên, rung rinh, một cánh buồm, gió thổi lay động.

Ma-ri-út-ka rúm chặt hai bàn tay trên ngực, chưa dám tin hẳn ở mắt mình.

Tên trung úy đã đứng bên cạnh chị, giật tay chị ra rồi xoay tròn người chị xung quanh nó.

---

(1) Bản tiếng Pháp : cho chúng cảm thấy nanh nhọn của ta.

Nó vừa nhảy cuồng cuồng, đôi chân gầy guộc tung lên rất cao, vừa hát bằng một giọng chói tai:

Một cánh buồm trắng ở phía chân trời
Trong sương mù xanh xanh của biển cả.
Tra, la, la, la.
Của biển cả...

— Buông ra! Khỉ ạ!

Ma-ri-út-ka ẩy ra, hổn hển và sung sướng.

— Ma-sa, em bé ngốc nghếch yêu dấu của anh, bà chúa nữ binh của anh! Chúng ta thoát rồi! Em thấy chưa? Thoát rồi!

— Này! Đồ quỷ, thế bây giờ, cả anh nữa anh cũng muốn rời cái đảo này để trở về sống một cuộc đời thật sự đấy ư?

— Hẳn rồi, thì anh vừa nói với em xong đấy!

— Khoan, phải làm hiệu, phải gọi họ chứ.

— Họ sẽ khắc đến thôi!

— Thế nhỡ họ tạt sang đảo khác thì sao? Ở đây có hàng bao nhiêu đảo. Có thể là họ chỉ đi ngang qua, mà không dừng lại. Mang ngay một cây súng ở trong lều ra đây!

Tên trung úy bổ nhào đi, và lại chạy trở ra, tay giơ thật cao cây súng. Ma-ri-út-ka kêu:

— Đừng có vớ vẩn nữa! Bắn ba lần!

Tên trung úy tỳ súng lên vai. Những tiếng nổ xé tan bầu không khí yên tĩnh trong lặng. Mỗi phát đạn lại làm tên trung úy chuệnh choạng. Chỉ lúc này, nó mới thấy mình đã suy yếu đến mức nào.

Cánh buồm đã trông thấy rõ. Một cánh buồm to màu hồng đã ngả sang màu vàng khè lướt trên mặt biển như một cánh chim mang đến tin vui.

Ma-ri-út-ka cằn nhằn:

— Không biết là tàu nào đây. Một thuyền đánh cá mà như thế này thì to quá đấy.

Trên tàu, người ta đã nghe thấy tiếng súng. Cánh buồm chao đi, xoay về bên kia, và nghiêng nghiêng lướt thẳng vào phía bờ.

Cuối cùng, thành tàu thấp và đen đã hiện ra dưới cánh buồm. Ma-ri-út-ka vẫn khe khẽ nói tiếp một mình:

— Chắc hẳn là chiếc xà-lúp của thanh tra ngư nghiệp. Nhưng không hiểu họ định làm cái gì trong mùa này?

Còn cách độ trăm thước, chiếc tầu quay mạn. Có người đứng dậy, hai tay chụm vào miệng làm loa, lớn tiếng gọi. Tên trung úy giật mình, nghiêng người về phía trước, ném cây súng xuống bãi cát, và chỉ hai bước nhảy, đã tới mép bờ nước. Nó chìa hai tay gọi cuống cuồng:

— Hua-ra! Hua-ra![1] Quân ta! Mau lên! Mau lên các ngài ơi!

Ma-ri-út-ka cắm mắt nhìn vào con tàu. Và thấy ngay trên vai người bẻ lái óng ánh những chiếc nẹp vàng.

Một nỗi lo sợ vô hạn làm chị rung cả người.

Một hình ảnh sáng lòa, trở lại trong óc chị: băng tuyết... nước xanh... khuôn mặt của đồng chí Ép-xi-u-cốp. Lời dặn dò của đồng chí: «Nếu bọn trắng mà ập đến, thì đừng để cho tên tù binh sống sót».

Một tiếng kêu suýt buột khỏi miệng chị. Chị cắn môi, nắm lấy cây súng.

Chị kêu thất thanh:

— Ê! Này đồ Bạch vệ dơ bẩn kia! Quay lại! Tôi bảo quay lại!

---

(1) Hoan hô! Hoan hô!

Tên trung úy lội nước đến mắt cá chân, tay vẫy vẫy.

Đột nhiên, đằng sau nó có tiếng rơi vỡ rầm rầm, inh tai nhức óc và trang trọng của vị hành tinh rụi dần trong lửa đỏ và bão tố. Không hiểu là gì cả, nó nhảy chồm lên một bước để tránh tai biến, và cái tiếng rầm rầm thần bí kia lại là tiếng động cuối cùng mà nó được nghe.

Ma-ri-út-ka nhìn tên trung úy nằm sóng sượt trên mặt đất.

Nó ngã chúi, đầu chìm xuống nước. Từ chiếc sọ dập vỡ của nó, những dòng máu nhỏ li ti hòa tan vào nước biển trong như thủy tinh.

Ma-ri-út-ka bước lên một bước, cúi xuống, xé rách ngực áo khoác và buông rơi cây súng.

Chị ngã khuỵu hai đầu gối xuống nước, gắng gượng nâng cái đầu dập vỡ của tên Bạch vệ, rồi đột nhiên gục xuống xác nó:

— Tôi vừa mới làm gì thế này đây? Người yêu của tôi ơi, cặp mắt xanh của tôi.

Con tàu đã ghếch vào bờ cát; bọn đứng trên, giương mắt sững sờ...

Dịch theo bản dịch tiếng Pháp
của Đmi-tờ-ri Sê-đê-man